

BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN ASC CHO NUÔI CÁ Pangasius

CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM

Ngày:	05, 06 tháng 08 năm 2013	Tổ chức đánh giá:	CÔNG TY BUREAU VERITAS CERTIFICATION VIET NAM
CLIENT :	CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG - TÂN HỒNG 2 FARM		ĐÁNH GIÁ VIÊN:
NGƯỜI PHỤ TRÁCH LIÊN HỆ:	Ông ĐẶNG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.		NGUYỄN HUY HUỠNH VĂN THUẬN
TIEU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	ASC- PANGASIUS STANDARD V 1.0	NGÀY VIẾT BÁO CÁO:	25 Tháng 08 năm 2013
ĐÁNH GIÁ VIÊN TRƯỞNG :	ÔNG - NGUYỄN HUY	NGÀY HOÀN CHỈNH BÁO CÁO:	30 tháng 08 năm 2013
LOẠI ĐÁNH GIÁ	ĐÁNH GIÁ LẦN ĐẦU	ĐÁNH GIÁ LẦN ĐẦU	
	TÁI ĐÁNH GIÁ		
	ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG		
Tóm lược kết quả đánh giá:			
<p>Trang trại nằm ở một vị trí tốt cho phát triển nuôi trồng thủy sản và được đầu tư tốt về cơ sở vật chất và hệ thống quản lý. Cán bộ kỹ thuật trang trại nắm rõ các yêu cầu của yêu chuẩn ASC cho cá Tra và nhận được sự hỗ trợ tốt từ phía ban lãnh đạo CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG trong việc áp dụng tiêu chuẩn này cho trang trại. Hiện tại, Trang trại có một hệ thống quản lý tốt và đã sẵn sàng để có được chứng nhận với tiêu chuẩn ASC cho cá Tra.</p>			
Khái quát về vùng nuôi áp dụng:			
<p>CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG là một công ty nuôi cá tra có tiếng, được thành lập vào năm 2011 tại Tỉnh Đồng Tháp. Tân Hồng farm nằm tại ấp Gò Da, xã Bình Phú, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>Tân Hồng Farm chia thành 09 ao nuôi và 02 ao xử lý nước thải, 02 ao chứa bùn thải xây dựng từ năm 2011.</p> <p>Trên vùng nuôi có văn phòng, kho thuốc, kho thức ăn cho cá, nhà tập thể cho công nhân. Vùng nuôi có sử dụng chung nguồn nước kênh Tân Thành Lò Gạch và kênh Tân Chí với người dân địa phương.</p> <p>Có 16 nhân viên làm việc ở trang trại Tân Hồng. Một số công nhân là người lao động địa phương và không ở lại trại, có 06 nhân viên ở lại vùng nuôi và được hỗ trợ nơi ở và ăn uống.</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG FARM đăng ký chứng nhận theo ASC, dự kiến chứng nhận theo Global BAP trong năm 2014.</p> <p>Vùng nuôi sử dụng thức ăn của Công ty CP thức ăn chăn nuôi Vĩnh Hoàn Feed và công ty Dominal, đều đã được chứng nhận Global GAP, con giống từ trại sản xuất cá giống An Giang, đạt chứng nhận Global GAP từ năm 2010.</p>			
Phạm vi chứng nhận:			
Tiêu chuẩn	ASC Pangasius Standard phiên bản 1.0 - Tháng 01 năm 2012.		
Hoạt động và phạm vi chứng nhận	Nuôi trồng cá Tra.		
Loài:	Pangasianodon hypophthalmus / Pangasius hypothalmus		
Mô tả vị trí thủy vực nơi trang trại tọa lạc :	kênh Tân Thành Lò Gạch và kênh Tân Chí.		
Kế Hoạch Đánh giá:			
Kiểm tra hồ sơ và các hành động được tiến hành trước khi tiến hành đánh giá thực tế.		Kiểm tra hồ sơ hệ thống quản lý chất lượng, Kế hoạch sức khỏe cá và các tính toán cho các ao đã thu hoạch.	

· Độ trình của các bên liên quan, bao gồm cả tài liệu bằng văn bản hoặc thông tin khác và trả lời của đơn vị đánh giá chứng nhận cho mỗi câu hỏi / thắc mắc của các bên liên quan.		Bureau Veritas sẽ thông báo cho các bên liên quan các kế hoạch và mời họ tham gia bằng văn bản trước khi tiến hành đánh giá hoặc tham gia trực tiếp vào buổi đánh giá thực tế. Tất cả các bên liên quan, ngay cả khi không liên quan trực tiếp với Bureau Veritas đều được mời để tham gia.				
· Các địa điểm của trang trại liên quan đến chứng nhận ASC với thông tin chi tiết cho mỗi địa điểm như sau:	Tên trang trại :	CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM				
	Địa chỉ :	ấp Gò Da, xã Bình Phú, Huyện Tân Hồng, Tỉnh Đồng Tháp.				
	Người liên hệ :	Ông ĐẶNG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.				
	Các chứng nhận đã đạt được :	Trang trại mới áp dụng theo ASC.				
	Tên và đại diện các bên liên quan tham gia đánh giá :	* Ông Nguyễn Hoàng Vũ - Tổng Giám Đốc công ty CP Hana Mekong * Ông Đặng Thành Thông - Trưởng Trại. * Ông Lê Văn Thanh - Kỹ Thuật trại. * Ông Nguyễn Toàn Duyệt - Kỹ thuật máy. * Bà Bùi Thị Bích Ngọc - kế toán. * Chị Dương Võ Mỹ Hạnh - Chuyên viên Thú Y * Ông Đặng Thành Nhân - Công Nhân trại nuôi.				
Thời gian đánh giá :	05, 06 tháng 08 năm 2013					
Sơ lược các lần đánh giá trước (nếu áp dụng):						
Không áp dụng, đây là lần đánh giá lần đầu.						
Findings						
	KẾT QUẢ LẦN ĐÁNH GIÁ TRƯỚC			KẾT LUẬN LẦN ĐÁNH GIÁ HIỆN TẠI		
	Number	NON-CONFORMANCES REFERENCES	Open/closed	Number	NON-CONFORMANCES REFERENCES	Open /closed
Nhận xét	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	0	N/A	-
Lỗi nhẹ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	8	NC-EV1-5 / NC-SC1-3	ĐÓNG
Lỗi nặng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	0	NA	-
Tổng kết hiện trạng thực tế trang trại	Tất cả các điểm không phù hợp và góp ý BVC phát hiện tại Farm ngày 05, 06 tháng 08 năm 2013 đã được đóng					
Hiện trạng chứng nhận của đơn vị được đánh giá	ĐÁNH GIÁ LẦN ĐẦU - CHƯA ĐƯỢC CHỨNG NHẬN					
Đánh giá kết quả:						
Xem chi tiết kết quả đánh giá trong tập tin đính kèm						
Xác nhận tiếp tục CoC						
Xác định các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện để tiếp tục chuỗi hàng trình Chains of Custody						
Đánh giá của hệ thống theo dõi, truy tìm và sự phân biệt trong hoạt động nuôi trồng thủy sản là đủ để đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm được xác định và bán có xác nhận của hoạt động nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc từ các đơn vị chứng nhận chứng nhận						

Yêu cầu	Mức độ rủi ro			Nhận xét của đánh giá viên và bằng chứng.	
	Rủi ro thấp	Rủi ro trung bình	Rủi ro cao		
1. Hệ thống theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.	X			Có một hệ thống rõ ràng cho việc theo dõi, truy xuất và phân biệt giữa sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận.	
2. Khả năng thay thế chứng sản phẩm được chứng nhận và không được chứng nhận trước khi thu hoạch	X			Trang trại chỉ sản xuất một loại sản phẩm và tất cả sản phẩm sẽ được chứng nhận	
3. Khả năng đưa sản phẩm từ bên ngoài vào trang trại được chứng nhận	X			Trang trại có hệ thống truy xuất nguồn gốc và lưu hồ sơ rất tốt. Rất khó để đưa một sản phẩm không được chứng nhận trộn lẫn với sản phẩm được chứng nhận.	
4. Mức độ hoàn thiện của hệ thống quản lý chất lượng.	X			Hệ thống quản lý chất lượng: Hoàn chỉnh	
5. Sử dụng phương tiện vận chuyển khi thu hoạch.	X			Khi thu hoạch, cá được vận chuyển sống đến nhà máy chế biến bằng ghe đục.	
6. Sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch	X			Chỉ sử dụng nhà thầu phụ khi thu hoạch.	
Nhận xét của đánh giá viên	CÓ			KHÔNG	DIỄN GIẢI
Hệ thống quản lý đủ hiệu quả, các sản phẩm nuôi trồng thủy sản sau khi thu hoạch có thể đi tiếp chuỗi hành trình sản phẩm CoC và đủ điều kiện để dán nhãn ASC.	X				Hệ thống quản lý đủ hiệu quả.
Xác định các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện để tiếp tục chuỗi hàng trình Chains of Custody	<p>Các sản phẩm trong phạm vi chứng nhận được mô tả chi tiết trong báo cáo này có thể đưa thêm vào Chuỗi Giám Sát được chứng nhận và đủ tư cách áp dụng để mang nhãn ASC</p> <p>Xem xét quyết định:</p> <p>- Hệ thống theo dõi, dấu vết và phân biệt trong mô rộng nuôi trồng thủy sản: Trang trại có lưu đầy đủ hồ sơ theo dõi thu hoạch và vận chuyển cá đến nhà máy chế biến. Dựa trên hồ sơ này, trang trại có thể biết cá đã được vận chuyển đến nhà máy chế biến nào. Hiện tại, cá được bán cho nhà máy chế biến của CÔNG TY VĨNH HOÀN.</p> <p>- Sử dụng tàu chõ: Trang trại sử dụng ghe đục để vận chuyển cá đến nhà máy chế biến. Không có khả năng hoán chuyển ghe đục, cá sau thu hoạch được ghe đục chở thẳng đến nhà máy.</p> <p>- Người thực hiện khai thác và bến đỗ: Sử dụng ghe đục để vận chuyển đến nhà máy chế biến. Việc khai thác và vận chuyển cá được thực hiện bởi công đoàn, Cá vận chuyển trực tiếp từ trại nuôi đến cầu cảng tiếp nhận cá ngay tại nhà máy chế biến cá của CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN.</p> <p>- Cơ hội thay thế sản phẩm chứng nhận với sản phẩm không được chứng nhận trong những đơn vị chứng nhận: Không có cơ hội cho việc thay thế sản phẩm được chứng nhận với sản phẩm không được chứng nhận. Tất cả sản phẩm được chứng nhận được sản xuất tại nhà máy chế biến cá của CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN.</p> <p>- Điểm khởi đầu trong chứng nhận Chuỗi Giám Sát yêu cầu: Chứng nhận Chuỗi Giám Sát được yêu cầu khởi đầu ngay sau khi thu hoạch cá và chuyển đến nhà máy chế biến cá thuộc sở hữu bởi CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN, đã được đánh giá và chứng nhận đạt ASC CoC vào năm 2012 bởi tổ chức IMO. .</p> <p>Xác định này vẫn duy trì hiệu lực cho đến khi có sửa đổi, bổ sung bởi tổ chức chứng nhận trong lần đánh giá tiếp theo.</p>				
Mô tả điểm của sự thay đổi quyền sở hữu sau khi chuỗi chứng nhận lưu ký là cần thiết	<p>Phạm vi của giấy chứng nhận bao gồm việc nuôi và thu hoạch.</p> <p>Giấy chứng nhận CoC được yêu cầu từ người bán sản phẩm đến nhà máy chế biến.</p> <p>Chỉ có các sản phẩm được thu hoạch trong hoặc sau ngày đánh giá chứng nhận ASC- CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG-TÂN HỒNG 2 FARM được phê duyệt mang nhãn ASC.</p>				

QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN	
BUREAU VERITAS CERTIFICATION xác định rằng tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn được đáp ứng đầy đủ và đã được chứng nhận trang trại HANA MEKONG TÂN HỒNG 2 Farm.	
Chứng chỉ đã được cấp với phạm vi chứng nhận được ghi rõ trong phần "phạm vi" ở trên trong báo cáo.	
Mọi điểm không phù hợp và tình trạng của chúng được liệt kê trong phần "Kết quả đánh giá" ở trên trong báo cáo.	
Ngày cấp :	27/09/2013
Ngày hết hạn :	26/09/2016
Phạm vi chứng nhận :	Ho t đong nuôi cá tra/ basa
Danh sách các điểm không phù hợp cần được khắc phục :	Tất cả các điểm không phù hợp và góp ý BVC phát hiện tại Farm ngày 05, 06 tháng 08 năm 2013 đã được đóng
<u>Báo cáo Không phù hợp</u>	
<i>Xem báo cáo không phù hợp trong file đính kèm</i>	
<u>Cam kết về Thông tin nhạy cảm liên quan đến kinh doanh trong báo cáo đánh giá</u>	
<i>Báo cáo này không chứa phụ lục bí mật thông tin thương mại nhạy cảm. Bureau Veritas đã đồng ý nội dung của thông tin thương mại nhạy cảm với người nộp đơn.</i>	

AUDIT MANUAL - ASC Pangasius Standard Created by the Pangasius Aquaculture Dialogue									
Scope: <i>Pangasianodon hypophthalmus, Pangasius bocourti</i>									
<p>Lời nói đầu:</p> <p>Để xác định mức độ tuân thủ tiêu chuẩn ASC cho cá tra, Đánh giá viên cần kiểm tra thông tin hoàn tất của một kỳ nuôi trồng, hoặc trên một điểm thời gian cụ thể trong chu kỳ nuôi (ví dụ như thả giống) cho một số yêu cầu. Vì lý do này, trong lần đánh giá đầu tiên, trang trại cần lưu trữ dữ liệu đầy đủ ít nhất cho một hoặc nhiều chu kỳ nuôi cho mỗi trang trại tại thời điểm đánh giá.</p> <p>Vi vậy, tại thời điểm đánh giá lần đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hộ Nuôi cá: phải có khả năng hiển thị đầy đủ hồ sơ (ví dụ như sử dụng thức ăn, tỷ lệ tử vong, vv ...) ít nhất 1 chu kỳ cây trồng hoàn tất cho mỗi trang trại (tức là từ thả giống đến khi thu hoạch) và các thông tin có liên quan đến tất cả các hoạt động này: Hồ sơ con giống, hồ sơ quản lý nuôi trồng, hồ sơ thu hoạch, vv ... Đánh giá viên: phải sử dụng các dữ liệu lưu trữ cho một vụ nuôi hoàn chỉnh của mỗi trang trại để tính toán mức độ tuân thủ của các chuẩn mực có liên quan. <p>Áp dụng cho tất cả các yêu cầu liên quan trong Sổ tay hướng dẫn đánh giá:</p> <p>Hộ Nuôi cá: Tại lần đánh giá đầu tiên: dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi trang trại phải sẵn có để cung cấp dữ liệu cho đơn vị đánh giá.</p> <p>Đánh giá viên: Tại lần đánh giá đầu tiên: dữ liệu của ít nhất 1 chu kỳ nuôi hoàn chỉnh cho mỗi trang trại phải được thẩm tra để xác</p>									
NGUYÊN TẮC 1. XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH TRANG TRẠI TUÂN THEO KHUNG LUẬT PHÁP CỦA CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA					C	Major NC	Minor NC	NA	Ý KIẾN-CƠ SỞ
1.1 Tiêu chí: Quy định quốc gia và địa phương									
Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):									
		a. Duy trì hồ sơ để chứng minh trang trại có tất cả các đăng ký theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia.	C					Trang trại có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do giám đốc sở tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp, các chủ sở hữu Nguyễn Thành Nhân, Nguyễn Thị Cẩm Xuyên, Nguyễn Văn Nấm, Huỳnh Thị Kim Lệ kí hợp đồng cho thuê đất cho công ty CP Hana Mekong, ngày 01/03/2012 thời hạn 05 năm. Tổng diện tích khu nuôi là 12.5 ha, diện tích mặt nước 9.3 ha, mục đích sử dụng cho nuôi trồng thủy sản.	
		b. Có giấy phép nuôi trồng thủy sản.	C					- Giấy phép kinh doanh bao gồm cả giấy phép cho Nuôi Trồng Thủy Sản. Giấy phép kinh doanh số 0311603882 đăng kí lần đầu 07/03/2012 và điều chỉnh lần thứ 2 ngày 28/11/2012 do phòng đăng ký kinh doanh, sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. - Trại nuôi có giấy chứng nhận đủ điều kiện Vệ sinh Thú Y Thủy sản do chi cục nuôi trồng thủy sản tỉnh Đồng Tháp cấp 12/04/2013..	
Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của tất cả các giấy phép thích hợp và đăng ký theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia									

1.1.1	<p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	c. Có giấy phép kinh doanh.	C			<p>- Giấy phép kinh doanh bao gồm cả giấy phép cho Nuôi Trồng Thủy Sản. Giấy phép kinh doanh số 0311603882 đăng kí lần đầu 07/03/2012 và điều chỉnh lần thứ 2 ngày 28/11/2012 do phòng đăng ký kinh doanh, sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.</p>
		d. Có các hợp đồng khác, giấy phép, hoặc giấy phép theo yêu cầu của chính quyền địa phương và quốc gia (xem 1.1.3 và 1.1.4).	C			<p>Không yêu cầu các giấy phép khác. Công ty có giấy xác nhận của ủy ban nhân dân xã Bình Phú kí ngày 19/03/2013: - Chưa có quy định về giới hạn sử dụng nước cấp, nước thải cho việc nuôi cá. - Có Quyết định 262/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp cấp 19/03/2009 về phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Đồng Tháp, cho thấy khu nuôi Tân Hồng 2 nằm trong vùng quy hoạch. - Xác nhận chưa có quy định về thuế áp dụng đối với việc sử dụng nước sông cho nuôi cá Tra, Basa.</p>
1.1.2	<p>Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của các tài liệu chứng minh phù hợp với pháp luật về thuế</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Duy trì hồ sơ và nộp thuế cho cơ quan thích hợp (ví dụ như thuế sử dụng đất, thuế nước sử dụng thuế, thuế thu nhập) trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, trang trại phải lưu hồ sơ ≥ 6 tháng		NC1		<p>Công ty chưa có biên nhận đóng tiền thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2012, theo thông báo nộp thuế của chi cục thuế Tân Hồng ngày 18/09/2012. - Thuế sử dụng nước và xả thải: không thu phí, có xác nhận của địa phương (xem 1.1.1c; 1.1.4b)</p>
		b. Giữ cập nhật thông tin về pháp luật thuế áp dụng theo quy của các cấp thẩm quyền đối với các trang trại đang hoạt động	C			<p>Phòng văn anh Đặng Thành Thông - Trưởng Trại nuôi và anh Nguyễn Hoàng Vũ - Tổng Giám Đốc Công ty : hiểu biết rõ về luật thuế áp dụng cho nuôi trồng thủy sản.</p>
		<p>Hướng dẫn áp dụng cho yêu cầu 1.1.3 - Tuân thủ Quy định xả nước</p> <p>Chỉ số 1.1.3 yêu cầu các trang trại phải áp dụng phù hợp với tất cả các quy định về xả nước ở cấp địa phương và quốc gia. Nếu các cơ quan quản lý có thẩm quyền đã áp đặt giới hạn về xả nước thải trang trại (tức là bằng cách phát hành giấy phép xả nước hoặc cơ chế so sánh khác) là trách nhiệm của các hộ nuôi cá để chứng minh sự tuân thủ. Bốn loại bằng chứng được chấp nhận:</p> <p>a. Tuyên bố của một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 xác nhận nhân viên của họ đã thu thập các mẫu nước tại điểm xả thải.</p> <p>b. Kết quả thử nghiệm nước từ một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025;</p> <p>c. Văn bản pháp luật có liên quan chứng minh sự tuân thủ;</p> <p>d. Tuyên bố từ chính quyền địa phương có thẩm quyền về chất lượng</p>				

1.1.3	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của tài liệu chứng minh việc tuân thủ xả nước thích hợp (bao gồm cả nước thải) quy định Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao	a. Giấy xác nhận của một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 cho thấy nhân viên của họ thu thập các mẫu nước tại điểm xả thải.	C				Có giấy xác nhận của một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận ISO 17025 "Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp - VILAS 412" cho thấy nhân viên của họ thu thập mẫu nước cấp và nước thải.
		b. Có kết quả thử nghiệm nước từ một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025.	C				Mẫu nước đã được kiểm nghiệm bởi phòng thí nghiệm được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 "Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp - VILAS 412"
		c. Có văn bản quy phạm pháp luật chứng minh sự tuân thủ.	C				Áp dụng theo TT44/2010-BNNPTNT phát hành 22/07/2012, thử nghiệm đã được thực hiện hàng năm, kiểm tra kết quả phân tích vào ngày 20/12/2012 kết quả đạt.
		d. Các báo cáo từ các cơ quan địa phương có thẩm quyền về chất lượng nước và năng lực để kiểm tra các thông số chất lượng nước chứng minh tuân thủ.				NA	Không áp dụng
1.1.4	Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của các tài liệu chứng minh phù hợp với địa phương và quốc gia quy định của pháp luật về sử dụng đất và nước Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Đối với ao, duy trì bản sao quyền sở hữu đất hoặc hợp đồng cho thuê. Đối với đăng quang hoặc bè, duy trì giấy phép cho phép neo đậu bè hoặc đăng quang tại vị trí được chỉ định.	C				Xem 1.1.1
		b. Có giấy phép cần thiết để sử dụng và xả nước cho các mục đích của điều hành một trang trại. Tuân thủ các hạn chế bất kỳ và tất cả các giấy phép được quy định trong (ví dụ như tối đa năng lực sản xuất, khối lượng phân bổ nước, vv).	C				- Thông tu 105/2010/TT-BTC ban hành ngày 23/07/2010 xác nhận do hoạt động nuôi cá tra thuộc đối tượng không phải nộp phí môi trường đối với nước thải công nghiệp nên cty không phải nộp phí môi trường đối với vùng nuôi này.
		c. Nếu trang trại hoạt động trong một quốc gia và khu vực không có hệ thống cho phép sử dụng đất và nước, cung cấp bằng chứng tài liệu (ví dụ như thư từ authorities) xác nhận thực tế này.				NA	Không áp dụng, xem 2.4.1.b
NGUYÊN TẮC 2: CÁC TRANG TRẠI PHẢI ĐƯỢC TOẠ LẠC, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐỂ TRÁNH (HOẶC ÍT NHẤT LÀ GIẢM THIỂU) CÁC				Major NC	Minor NC	NA	
2.1 Tiêu chí: Tuân thủ các kế hoạch - quy hoạch phát triển chính thống							
Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):							
		a. Cung cấp một bản đồ chi tiết của trang trại với ít nhất 4 tọa độ GPS.	C				* Tọa độ GPS của trang trại: A 10°52'12,2" Bắc; 105°25'2,8" Đông B 10°52'6,8" Bắc; 105°25'4,1" Đông C 10°52'25,5" Bắc; 105°25'28,2" Đông D 10°52'19,3" Bắc; 105°25'34,4" Đông

2.1.1	<p>Tiêu chuẩn: Trang trại (4) nằm trong khu vực đã được phê duyệt phát triển nuôi trồng thủy sản</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Cung cấp các kế hoạch chính thức để xác định phê duyệt khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản phát triển. Nếu có không có, cần có một tuyên bố từ các cơ quan có thẩm quyền xác nhận.</p>	C			<p>-Có Quyết định 262/QĐ-UBND tỉnh Đồng Tháp cấp 19/03/2009 về phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Đồng Tháp, cho thấy khu nuôi Tân Hồng 2 nằm trong vùng quy hoạch.</p>
		<p>c. Xác nhận Trang trại nằm trong một khu vực đã được phê duyệt cho nuôi trồng thủy sản, sử dụng bằng chứng từ bản đồ hoặc danh sách các địa điểm chính thức.</p>	C			<p>xem 2.2.1.b</p>
<p>Ghi chú [4] Pond, lồng và đăng quầng trên loại hình nuôi cá của trang trại</p>						
<p>2.2 Tiêu chí: Chuyển đổi các hệ sinh thái tự nhiên</p>						
		<p>Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):</p>				
2.2.1	<p>Tiêu chuẩn: Đối với ao [5], bằng chứng [6] chỉ có đất đã được phân bổ cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong 10 năm trước khi được sử dụng để phát triển ao mới hoặc mở rộng cho trang trại</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Ao được thành lập sau ngày 31 Tháng Tám 2010</p>	<p>a. Cung cấp một bản tuyên bố xác định tháng và năm xây dựng trang trại, và ghi rõ ngày tháng của bất kỳ mở rộng trang trại tiếp theo.</p>	C			<p>Căn cứ đề án bảo vệ môi trường được ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng xác nhận tháng 05/09/2011 chứng tỏ khu nuôi đã được xây dựng khoảng cuối năm 2011.</p>
		<p>b. Nếu trang trại (hoặc bất kỳ bản mở rộng của nó) đã được xây dựng sau ngày 31 Tháng Tám năm 2010, cần có một tuyên bố / bản đồ sử dụng đất lịch sử từ một tổ chức của chính phủ chỉ ra rằng đất nông nghiệp hoặc đất nuôi trồng thủy sản trong 10 năm trước khi xây dựng của họ.</p>	C			<p>Kiểm tra hợp đồng thuê đất, sơ đồ xây dựng trang trại, hợp đồng xây dựng trang trại và bản đồ hiện tại: tất cả các thông tin chính xác.</p>
		-	C			<p>Phỏng vấn cộng đồng: Trang trại được xây dựng từ 2-3 năm về trước. Xác nhận khu đất là đất nông nghiệp từ hơn 10 năm trước, có xác nhận của UBND xã Bình Phú là đất nông nghiệp từ năm 2000, có xác nhận chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất nuôi trồng thủy sản năm 2011, phù hợp với quy hoạch khu vực nuôi thủy sản của Tỉnh Đồng Tháp.</p>
<p>Ghi chú [5] Đối với ao được thành lập sau khi công bố các tiêu chuẩn PAD.</p>						
<p>Ghi chú [6] Từ các tổ chức chính phủ.</p>						
<p>Tiêu chuẩn: Bằng chứng đóng góp ít nhất là 0,50 USD cho mỗi tấn cá được sản xuất đã được trả vào quỹ</p>		<p>a. Gửi thư có chữ ký đến ASC, cam kết trả tiền đóng góp vào quỹ cho tất cả các loại cá được chứng nhận thu hoạch từ ngày chứng nhận lần đầu.</p>	C			<p>Có thư Cam kết đóng góp 0.5 USD / tấn cá cho "Quỹ ASC" sau khi trang trại được chứng nhận, ký bởi Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG - Anh Nguyễn Hoàng Vũ tháng 05/2013.</p>

2.2.2	phục hồi môi trường và xã hội [7] hàng năm						
	Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	b. Giữ lại Xác nhận từ ASC cho thấy lá thư có chữ ký trang trại đã được nhận.	C				Có E-mail xác nhận từ ASC vào tháng 05 năm 2013.
		c. Giữ lại bằng chứng của tất cả các khoản thanh toán được thực hiện vào quỹ.	C				Không áp dụng, Quỹ chưa thiết lập
Ghi chú	[7] Được xác định bởi Hội đồng Nuôi trồng thủy sản Stewardship Council (ASC). Nếu một quỹ chưa được tạo ra và được công nhận bởi ASC tại thời điểm đánh giá, yêu cầu 2.2.2 sẽ không được xem xét.						
2.2.3	Tiêu chuẩn: Bằng chứng [8] rằng đất không được thải ra các thủy vực nước thông thường [9]	a. Cung cấp một tuyên bố nói rằng các trang trại đã không thải trái đất vào các vực nước thông thường sau ngày 31 tháng tám năm 2010.	C				Có thư cam kết của trường trại kí 21/08/2012, có xác nhận của UBND xã Bình Phú ngày 19/03/2013 và phỏng vấn cộng đồng xung quanh xác nhận vấn đề này.
	Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao được thành lập sau ngày 31 Tháng Tám 2010	b. Đối với hoạt động xây dựng được liệt kê trong 2.2.1.a liên quan đến vận chuyển đất và xây ra sau ngày 31 Tháng 8 năm 2010, cung cấp một tuyên bố chỉ ra nơi mà đất đã được chuyển đến hoặc làm thế nào nó đã được xử lý.	C				Nhận thấy phù hợp.
		-	C				Có thư cam kết của trường trại kí 21/08/2012, có xác nhận của UBND xã Bình Phú ngày 19/03/2013 và phỏng vấn cộng đồng xung quanh xác nhận vấn đề này.
Ghi chú	[8] Đối với ao được thành lập sau khi công bố các tiêu chuẩn PAD.						
Ghi chú	[9] Ngoại trừ xả thải vào các vực nước thuộc trang trại và không có tác động tiêu cực đến người sử dụng tài nguyên nước khác.						
2.2.4	Tiêu chuẩn: Bằng chứng [10] không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng [11]						
	Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Thực hiện tìm kiếm của các xuất bản (ví dụ như địa phương báo, tạp chí) và đối chiếu tài liệu để xác định các loài nguy cấp hiện diện trong khu vực.	C				Có một Báo cáo khoa học được thực hiện bởi các chuyên gia kỹ thuật từ Khoa Môi Trường và Tài Nguyên Thiên Nhiên đại học Cần Thơ về "Nhận dạng các loài có nguy cơ tuyệt chủng và các loài nằm trong danh sách đỏ IUCN có khả năng phân bố tại khu vực "CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM" tháng 12/2012 với các nội dung bao gồm: - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. - Xác định các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xuất hiện ở khu vực "CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM" - Đánh giá rủi ro cho tất cả các thực hành nông nghiệp có thể là mối nguy hiểm cho các loài này. - Áp dụng thực hành canh tác mới để không có tác động tiêu cực đối với các loài này.
		b. Xác định xem có bất kỳ loài nào xuất hiện trong khu vực được liệt kê như là loài đang bị đe dọa tuyệt chủng bởi các cơ quan có thẩm quyền quốc gia.	C				Nguồn gốc và danh sách chính xác.

		c. Chuẩn bị một danh sách của tất cả các loài có nguy cơ tuyệt chủng xảy ra trong khu vực bằng cách kết hợp các kết quả từ 2.2.4 (a) và 2.2.4 (b) với kết quả từ việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN (xem 6.6.2).	C				Có danh sách của một số loài có nguy cơ tuyệt chủng, có khả năng hiện diện trong khu vực trang trại. So sánh với kết quả của việc tìm kiếm cơ sở dữ liệu của IUCN: kết quả phù hợp.
		d.Chuẩn bị các thủ tục bằng văn bản mô tả làm thế nào trang trại tránh tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng có thể xảy ra trên trang trại.	C				Thủ tục sẵn có và đầy đủ.
		-	C				Phòng vấn cộng đồng: - Các trang trại hiện nay không có tác động tiêu cực đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng - Các trang trại gần đây đã không có tác động tiêu cực .
Ghi chú	[10] Hộ nuôi phải nộp kết quả của một tìm kiếm của xuất bản (ví dụ như báo địa phương, tạp chí) và đối chiếu tài liệu. Báo cáo từ các cộng đồng địa phương và các tổ chức cũng sẽ được sản xuất.						
Ghi chú	[11] Được thiết lập bởi cơ quan chức IUCN và quốc gia.						
2.3 Tiêu chí: Sự kết nối, lưu thông giữa các địa điểm							
Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):							
2.3.1	Tiêu chuẩn: Trang trại không cản trở giao thông, di chuyển của các loài thủy sản và chuyển động của nước Yêu cầu: Có Áp dụng: Bè và Đãng Quăng	a.Chứng thực của cộng đồng hoặc bằng chứng tương tự để chứng minh các trang trại không cản trở giao thông, di chuyển của thủy sản và chuyển động của nước. -					NA Không áp dụng. Ao
2.3.2	Tiêu chuẩn: Chiều rộng tối thiểu của mặt nước [15] không có lồng/bè (xem Sơ đồ 1, Phụ lục C) Yêu cầu: ≥ 50% Áp dụng: Bè	a.Cung cấp một bản đồ hoặc sơ đồ đo lường và chiều rộng của mặt nước. b.Cung cấp các phép đo và tính toán đủ để hiển thị tuân thủ (xem Sơ đồ 1 từ Phụ lục C của cá tra tiêu chuẩn ASC)					NA Không áp dụng. Ao
Ghi chú	[15] Mặt nước: Bất kỳ ao, hồ, kênh, sông, suối hoặc bất kỳ, thuộc về chính phủ hay tư nhân, bao gồm cả các vùng vịnh và bờ biển.						
2.3.3	Tiêu chuẩn: bề rộng tối đa của 1 trại nuôi có thể chiếm được tính toán tại thời điểm mực nước/bề rộng của thủy vực là nhỏ nhất(xem biểu đồ 2, phụ lục C) Yêu cầu: ≤ 20% chiều rộng thủy vực Áp dụng: các đặng quăng	a. Cung cấp 1 bản đồ hoặc biểu đồ thể hiện kích thước các đặng quăng và chiều rộng thủy vực b. Cung cấp kích thước và cách tính nhằm thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn(xem biểu đồ 2 phụ lục C tiêu chuẩn ASC) -					NA Không áp dụng. Ao
	Tiêu chuẩn: số lượng tối đa các đặng quăng kề nhau được phép (xem biểu đồ 2, phụ lục C)	a. Cung cấp 1 bản đồ hoặc biểu đồ thể hiện kích thước, số lượng các đặng quăng và khoảng cách giữa chúng.					NA Không áp dụng. Ao

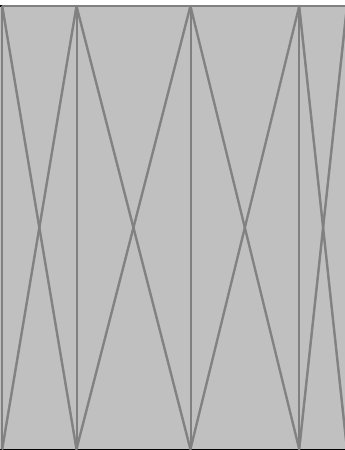
2.3.4	Yêu cầu: hai và chỉ khi một đoạn bờ sông còn lại có chiều bằng 02 đặng mà không canh tác 2 bên bờ sông Áp dụng: các đặng quầng	b. Trên bản đồ, thể hiện sự sắp xếp các đặng quầng thỏa mãn với yêu cầu tiêu chuẩn về số lượng và khoảng cách các đặng quầng kề nhau (xem biểu đồ 2, phụ lục C).				NA	Không áp dụng. Ao
2.4 Tiêu chí: sử dụng nước							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):					
2.4.1	Tiêu chuẩn: Trại nuôi tuân thủ giới hạn phân phối nước quy định bởi chính quyền địa phương(16) hoặc một tổ chức độc lập có uy tín(17) Yêu cầu: có Áp dụng: ao	a. Báo cáo ghi nhận lượng nước lấy vào. Báo cáo của đánh giá lần đầu phải bao quát đầy đủ ít nhất 1 vụ thu hoạch cho mỗi 1 địa điểm.	C				Trang trại có ghi nhận lượng nước lấy vào cho từng ao, có tính toán lượng nước sử dụng cho 05 ao đã thu hoạch.
		b. Có được một tuyên bố từ chính quyền địa phương cho biết các giới hạn phân phối nước (đơn vị nhất định) cho trang trại. Nếu chính quyền địa phương không đặt giới hạn phân phối nước cho các trang trại hoạt động trong khu vực, có được một tuyên bố từ chính quyền địa phương xác nhận thực tế này.	C				Xem 1.1.4.b
		c. Nếu giới hạn phân phối nước không phải do chính quyền địa phương (xem 2.4.1b), có được một tuyên bố từ một tổ chức độc lập có uy tín (xem chú thích 17) cho thấy các giới hạn phân phối nước (đơn vị nhất định) cho trang trại.	C				Xem 1.1.4.b
		d. Chứng minh sự uy tín của tổ chức được xác định trong điều 2.4.1(b) bằng cách cung cấp những bài viết hoặc những báo cáo về giới hạn phân phối nước.	C				Xem 1.1.4.b
		e. Tính toán điểm lấy nước vào trại trên từng mùa vụ chứng minh sự thỏa mãn yêu cầu giới hạn phân phối nước tối thiểu.	C				Kiểm tra chéo các số liệu so với mục 2.4.2: phù hợp.
Ghi chú	[16] hợp lệ cho cả nước mặt và nước ngầm. Nước mặt được định nghĩa là "lấy nước trên mặt đất hoặc trong một dòng suối, sông, hồ, đất ngập nước hoặc đại dương." Nước ngầm được định nghĩa là "nước bên dưới bề mặt của trái đất mà nguồn cung						
Ghi chú	[17] Một tổ chức độc lập có uy tín có thể là một tổ chức chính phủ, viện nghiên cứu, hoặc một tổ chức không được liên kết cụ thể cho khu vực nuôi trồng thủy sản, nhưng đã tạo ra các thông số sử dụng nước cho khu vực, hoặc chịu trách nhiệm phân phối						
2.4.2	Tiêu chuẩn: Đối với các ao, tỉ lệ tối đa của lượng nước sử dụng(không phải lượng nước tiêu thụ) trên một tấn cá được sản xuất. Tính lượng sử dụng bằng công thức trong phụ lục D. Yêu cầu: 5,000 m3/ tấn cá được sản xuất Áp dụng: Ao	Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 2.4.2 - Tính toán Tỷ lệ nước Tổng số tôm bắt cho mỗi tấn cá được sản xuất Phụ lục D của cá tra tiêu chuẩn ASC cung cấp một công thức để tính toán "Q" là tỷ lệ của tổng lượng nước lấy vào cho mỗi tấn cá được sản xuất. Trang trại phải thực hiện những tính toán này bằng cách sử dụng dữ liệu thu hoạch từ mỗi ao và sau đó sử dụng các kết quả để xác định một số liệu trung bình trên tất cả các ao của trang trại. Tính toán có thể được thực hiện như mô tả ở đây. Đối với ao đầu tiên: - Tính toán tổng lượng nước lấy vào ("TEV") theo mét khối (m3) trong chu kỳ sản xuất;					
		a. Sử dụng hồ sơ của lượng nước (xem 2.4.1a), tính toán tổng lượng nước lấy vào (m3) cho mỗi ao thu hoạch nông trại. Kiểm toán đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi trang trại (xem phần mở đầu)	C				Trang trại có ghi nhận lượng nước lấy vào hàng ngày cho tất cả các ao. Kiểm tra hồ sơ của 5 ao đã thu hoạch trong tổng số 09 ao: hồ sơ 3 ao số 1,3,6 tất cả các số liệu chính xác.
		b. Duy trì hồ sơ thể hiện sản lượng cá thu hoạch cho từng trại.	C				Có biên nhận thu hoạch cá cho 05 ao đã thu hoạch, kiểm tra hồ sơ thu hoạch ao số 1,3,6, ghi lại chi tiết với số ngày thu hoạch cho mỗi ao, số lượng cá thu hoạch cho mỗi ngày, số lượng cá của mỗi chiếc thuyền vận chuyển mỗi ngày.

		c. Tính tổng trọng lượng cá thu hoạch của mỗi ao theo đơn vị tấn.	C				Trang trại có Tính toán sản lượng thu hoạch cho 5 ao đã thu hoạch, kiểm tra số liệu ao số 1,3,6 thông tin là chính xác.
		d. Với mỗi ao, cách tính tỉ lệ của tất cả lượng nước sử dụng trên 1 tấn cá được sản xuất (xem hướng dẫn trong Phụ lục D).	C				Qua kiểm tra tính toán của ao số 1,3,6 với khối lượng nước (2.4.2a) và trọng lượng thu hoạch (2.4.2b): kết quả phù hợp.
		e. Sử dụng kết quả của những ao thu hoạch, tính tỉ lệ trung bình cho toàn trang trại với tổng nước sử dụng cho mỗi tấn cá	C				Kiểm tra kết quả tính toán trung bình của 5 ao đã thu hoạch, kết quả phù hợp < 5.000 m3 / tấn cá sản xuất.
Ghi chú	[18] Nước sử dụng là lượng nước lấy vào từ các thủy vực bên ngoài và đưa vào trang trại. Nó bao gồm cả nước mặt và nước ngầm.						
NGUYÊN TẮC 3. GIẢM TỐI ĐA TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA NUÔI CÁ TRA /BA SA ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN LỢI ĐẤT VÀ NƯỚC				Major NC	Minor NC	NA	
3.1 Tiêu chí: Hiệu suất sử dụng dinh dưỡng							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):					
3.1.1	Tiêu chuẩn: Tối đa lượng phốt pho(TP)(19) trong thức ăn trên 1 tấn cá sản xuất được Yêu cầu: 20 kg/ tấn Áp dụng: lồng và đăng quảng	Hướng dẫn cho khách hàng cho các chỉ số 3.1.1 và 3.1.2 - Phòng thí nghiệm Phân tích của TP và TN trong thức ăn Để chứng minh sự tuân thủ với Chỉ số 3.1.1 và 3.1.2, các trang trại phải có khả năng để thiết lập số lượng phốt pho tổng số (TP) và nitơ tổng số (TN) trong thức ăn. Trang trại được lấy từ mỗi của các nhà cung cấp thức ăn của họ một tuyên bố nêu rõ TP tối đa và nội dung TN. Các trang trại sau đó tiến hành xác minh kê khai nhà cung cấp bằng cách kiểm tra một số đại diện của lô (ví dụ như 1 mẫu cho mỗi 1.000 tấn của một nguồn cấp dữ liệu được sử dụng) cho TP và TN nội dung. Việc đo kiểm phải được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025. Kết quả sẽ hiển thị các tờ khai được thực hiện bởi các nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi là chính xác và rằng thức ăn là trong giới hạn quy định trong tuyên bố. Trang trại phải chứng minh sự tuân thủ tất cả các nguồn cấp dữ liệu được sử dụng trong các loại cây trồng được bao gồm trong tính toán, bất kể cho dù những thức ăn được trang trại tạo hoặc thương mại có nguồn gốc. Tất cả các tính toán phải được thực hiện trên cơ sở cây trồng vụ. a. Duy trì hồ sơ thể hiện từng loại và lượng thức ăn sử dụng. Yêu cầu này áp dụng với tất cả loại thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi đại điểm. b. Đã công bố thành phần TP liên quan của các nhà cung ứng thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm. c. Cung cấp bằng chứng trang trại đã bốc mẫu kiểm tra thành phần TP để xác nhận việc công bố của những nhà cung cấp là chính xác và thức ăn là yêu cầu tối thiểu trong công bố d. Sử dụng kết quả của 3.1.1 và 3.1.1b để tính toán lượng TP bằng kg thêm vào cho mỗi...Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm. e. Sử dụng tổng trọng lượng cá sản xuất, tính toán lượng phốt pho thêm vào thức ăn cho mỗi tấn cá. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.					
						NA	Không áp dụng. Ao
						NA	Không áp dụng. Ao
						NA	Không áp dụng. Ao
						NA	Không áp dụng. Ao
						NA	Không áp dụng. Ao

Ghi chú	[19] TP bao gồm tất cả các dạng photpho được tìm thấy trong mẫu (Trích từ Chính phủ Australia, Cục Khí tượng).					
3.1.2	Tiêu chuẩn: Lượng nito tổng tối đa trong thức ăn trên 1 tấn cá sản xuất được Yêu cầu: 70kg/tấn Áp dụng: lồng và đăng quàng	Note: see instructions for Indicator 3.1.1 a. Duy trì hồ sơ thể hiện từng loại và lượng thức ăn sử dụng. Yêu cầu này áp dụng với tất cả loại thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi đại điểm. b. Đã công bố thành phần TN liên quan của các nhà cung ứng thức ăn sử dụng trong mùa vụ đã được tính toán. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm. c. Cung cấp bằng chứng trang trại đã bốc mẫu kiểm tra thành phần TN để xác nhận việc công bố của những nhà cung cấp là chính xác và thức ăn là yêu cầu tối thiểu trong công bố d. Sử dụng kết quả của 3.1.1 và 3.1.1b để tính toán lượng TN bằng kg thêm vào cho mỗi...Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm. e. Sử dụng tổng trọng lượng cá sản xuất, tính toán lượng nito thêm vào thức ăn cho mỗi tấn cá. Đánh giá lần đầu, hồ sơ phải đầy đủ ít nhất 1 mùa vụ hoàn chỉnh cho mỗi 1 địa điểm.				NA Không áp dụng. Ao NA Không áp dụng. Ao NA Không áp dụng. Ao NA Không áp dụng. Ao
Ghi chú	[20] TN có nghĩa là tổng hàm lượng của tất cả các dạng nitơ được tìm thấy trong mẫu, bao gồm nitrat, amoniac, nitrite N và các dạng nitơ hữu cơ (Chính phủ Australia, Cục Khí tượng).					
Ghi chú	[21] nguồn cấp dữ liệu đề cập đến tất cả các mặt hàng thức ăn hoặc thức ăn chăn nuôi, bất kể ở đâu hoặc làm thế nào chúng được sản xuất, và áp dụng cho tất cả các trang trại đang tìm kiếm chứng nhận. Các trang trại đáp ứng yêu cầu sẽ có thể chứng					
3.1.3	Tiêu chuẩn: Tổng lượng TP thải ra trên 1 tấn cá sản xuất (xem phương pháp tính toán trong phụ lục D) Yêu cầu: 7.2kg/tấn	*Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 3.1.3 và 3.1.4 - Lấy mẫu và phân tích phòng thí nghiệm của TP và TN tương thái Xác định nồng độ photpho tổng số (TP) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và Blue Indo-phenol. Xác định nồng độ nitơ tổng số (TN) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Kejdahl và axit ascorbic. Quyết định sẽ được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025. Farms sẽ đo lượng TP và TN discharged từ tối thiểu là 1 ao trong sản xuất, ít nhất một trong các ao được lựa chọn ngẫu nhiên. Trang trại phải ghi lại số lượng và danh tính của ao được lựa chọn trước khi lấy mẫu. Thủ tục cần thiết cho việc thu thập mẫu nước như sau: - Hai mẫu nước được lấy một từ ao (= nước ao) và một từ vị trí lấy nước vào (= nước cấp). Hai mẫu được lấy trong cùng một ngày. - Tất cả các mẫu nước được lấy theo phương pháp được cung cấp bởi một phòng thí nghiệm ISO hoàn toàn độc lập được công nhận 17.025 và sẽ có sẵn để chứng nhận vào ngày đánh giá. Các phòng thí nghiệm được công nhận sẽ được yêu cầu để xác minh rằng lấy mẫu được tiến hành theo phương pháp này. - Tất cả các mẫu nước được thu thập trong nửa sau của chu kỳ sản xuất (tức là ≥ 90 ngày sau khi thả giống) - Ao mẫu nước được thu thập tại 50% độ sâu ao				

	Áp dụng: Ao	a. Nêu tên và số công nhận của phòng thí nghiệm độc lập đã sử dụng để kiểm soát chất lượng nước và pho to hợp đồng lấy mẫu và phân tích nước theo như hướng dẫn 3.1.3	C		Có báo cáo của một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận Iso 17025 "Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp - VILAS 412" cho thấy rằng nhân viên của họ đã thu thập mẫu nước ao, nước cấp và nước thải OK.
		b. Lưu kết quả kiểm TP của mẫu nước ao và mẫu cấp.	C		Kiểm tra kết quả thử nghiệm: phù hợp
		c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thu hoạch và tổng lượng tối đa nước thải ra trong suốt chu kỳ vụ nuôi	C		Kiểm tra số liệu: chính xác
		d. Nhập giá trị của mục b và c vào công thức để tính tổng lượng TP thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được. lập lại như vậy cho những ao lấy mẫu.	C		Có tính toán hàm lượng TP xả thải cho các ao đã thu hoạch, kiểm tra tính toán của ao số 1,3,6, tính toán chính xác.
		e. Áp dụng giá trị TP từ những ao khác nhau để tính kết quả trung bình lượng TP thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được cho toàn trại nuôi.	C		Tính toán Hàm lượng TP xả thải trung bình cho toàn trang trại là < 7,2 kg / tấn cá sản xuất.
3.1.4	Tiêu chuẩn: Số lượng TN thải ra trên một tấn cá sản xuất (Xem phương pháp đo TN và tính toán trong Phụ lục D) Yêu cầu: 27.5 kg/tấn cá sản xuất Áp dụng: Ao	Note: see instructions for Indicator 3.1.3			
		a. Nêu tên và số công nhận của phòng thí nghiệm độc lập đã sử dụng để kiểm soát chất lượng nước và pho to hợp đồng lấy mẫu và phân tích nước theo như hướng dẫn 3.1.3	C		Có báo cáo của một phòng thí nghiệm độc lập được công nhận Iso 17025 "Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp - VILAS 412" cho thấy rằng nhân viên của họ đã thu thập mẫu nước ao, nước cấp và nước thải.
		b. Lưu kết quả kiểm TN của mẫu nước ao và mẫu cấp.	C		Kiểm tra kết quả thử nghiệm: phù hợp
		c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thu hoạch và tổng lượng tối đa nước thải ra trong suốt chu kỳ vụ nuôi	C		Kiểm tra số liệu: chính xác
		d. Nhập giá trị của mục b và c vào công thức để tính tổng lượng TN thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được. lập lại như vậy cho những ao lấy mẫu.	C		Có tính toán hàm lượng TN xả thải cho các ao đã thu hoạch, kiểm tra tính toán của ao số 1,3,6 tính toán chính xác.
		e. Áp dụng giá trị TN từ những ao khác nhau để tính kết quả trung bình lượng TN thải ra trên mỗi tấn cá sản xuất được cho toàn trại nuôi.	C		Tính toán Hàm lượng TN xả thải trung bình cho toàn trang trại là < 27,5 kg / tấn cá sản xuất.
3.2 Tiêu chí: Đo chất lượng nước trong thủy vực nhận					
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Yêu cầu áp dụng đối với hộ nuôi cá):			

3.2.1	Tiêu chuẩn: Phần trăm thay đổi hàm lượng oxy hòa tan trong ngày [22] DO của thủy vực nhận thải [23] tương ứng với hàm lượng DO bão hòa tại nhiệt độ và độ mặn lúc đo. Trường hợp ngoại lệ đối với các ao có TN & TP trong nước thải thấp hơn TN và TP trong nước cấp. Yêu cầu: <=65% Áp dụng: tất cả	"Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ số 3.2.1 - Tỷ lệ phần trăm thay đổi trong đo Oxy hòa tan ban ngày Trang trại có trách nhiệm theo dõi tỷ lệ phần trăm thay đổi trong oxy hòa tan ngày đêm ở vùng nước tiếp nhận. Nồng độ oxy hòa tan (DO) được báo cáo so với DO bão hòa ở nhiệt độ, độ mặn và độ cao cụ thể của nước. DO được đo bằng cách sử dụng một máy đo oxy cầm tay hoặc một phương pháp (hoá học) chính xác hơn, với độ chính xác được thành lập trong các tài liệu. Các vị trí đo nên là nơi gần nhất với vị trí nhận thải nếu có thể nhưng không cách điểm xả thải quá 200m. Ngoài ra, các hướng dẫn sau đây cần được tuân theo: - Giám sát DO được thực hiện hai tuần một lần - Trong mỗi ngày lấy mẫu, hai DO được đo: 1 giờ trước khi mặt trời mọc và 2 giờ trước khi mặt trời lặn (+ / - 30 phút). - Phép đo được thực hiện ở mức 0,3 mét dưới mặt nước.				
		a. Cung cấp phương pháp đo DO	C			Có kết quả đo DO định kỳ 1 lần/2tuần trong thời gian 11 tháng.
		b. Hiệu chỉnh tất cả các thiết bị định kỳ và theo phương pháp khuyến cáo của nhà sản xuất. Nhiệt độ, độ mặn và độ cao phải được điều chỉnh cho hiệu chuẩn hoặc tính toán.	C			Sử dụng máy đo để đo Oxy, nhiệt độ và độ muối. Kỹ thuật viên hiệu chuẩn thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất trước mỗi lần đo.
		c. Tính phần trăm thay đổi DO mỗi ngày kiểm tra sử dụng hướng dẫn trong phụ lục D.	C			Kiểm tra dữ liệu và công thức để tính toán, kết quả chính xác.
		d. Sử dụng kết quả 3.2.1.c để tính toán phần trăm thay đổi DO trung bình trên 12 tháng kiểm tra. Lần đánh giá đầu tiên phải lưu hồ sơ trên 6 tháng	C			Kiểm tra tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình trong DDO trong thời gian 11 tháng, kết quả là < 65%.
e. Sắp xếp giám sát đo DO khi đánh giá viên đánh giá vùng nuôi.	C			Đánh giá viên chứng kiến nhân viên trang trại đo Oxy hòa tan tại điểm nhận thải vào lúc 5:10 sáng và 4:05 chiều theo phương pháp hướng dẫn trong tiêu chuẩn, kết quả đo được nằm trong phạm vi giá trị của 11 tháng trước đó.		
Ghi chú	[22] DO là nồng độ oxy hòa tan trong nước, được thể hiện trong mg / l hoặc theo phần trăm bão hòa, độ bão hòa là số tiền tối đa oxy mà về mặt lý thuyết có thể hòa tan trong nước ở một độ cao nhất định và nhiệt độ (biology-online.org).					
Ghi chú	[23] "Thủy vực nhận thải" là thủy vực tự nhiên tiếp nhận nước thải ra từ ao lần đầu tiên và thủy vực này không thuộc về trang trại.					
3.3 Chỉ tiêu: Đo lường chất lượng nước thải từ ao [24]						
		Compliance Criteria (Required Client Actions):				
Ghi chú	[24] Tiêu chí này không thích hợp cho vùng nuôi dạng bè hoặc đăng quàng					

<p>3.3.1</p>	<p>Chỉ tiêu: Trung bình phần trăm thay đổi tối đa của TP giữa nước vào và nước ra (xem phương pháp đo TP và công thức TP xả thải ở Phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu : 100%</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng về chỉ tiêu 3.3.1 và 3.3.2 - Đo lường thay đổi của TN và TP giữa đầu vào đầu ra. Xác định nồng độ photpho tổng (TP) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp : Keijldahl và Blue Indo-phenol. Xác định nồng độ nitơ tổng (TN) trong mẫu nước được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp: Keijldahl và axit ascorbic. Việc xác định sẽ được thực hiện bởi một phòng thí nghiệm độc lập hoàn toàn được công nhận để thực hiện các phân tích phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025. Kết quả xét nghiệm sẽ được đi kèm bởi một tuyên bố cho biết việc tuân thủ các phương pháp thiết lập trong tiêu chuẩn Cá tra ASC và Sổ tay Đánh giá. Vùng nuôi đo lường sự thay đổi trong TP và TN từ chỉ một tập hợp con của tổng số ao nuôi trong sản xuất: 15% của tất cả các ao (giá trị làm tròn đến số nguyên gần nhất). Ít nhất một trong những ao được lựa chọn ngẫu nhiên. Trang trại phải ghi lại số lượng và lựa chọn các ao trước khi lấy mẫu. Thủ tục cần thiết cho việc thu thập mẫu nước như sau: - Mẫu được thu thập bởi các nhân viên từ các phòng thí nghiệm hoàn toàn độc lập được công nhận; - Mẫu được lấy từ "đầu vào" và "đầu ra" (đầu vào = nước trong ống nạp,</p>		
		<p>A. Cung cấp kết quả phòng lab TP cho mẫu nước thải vào và ra</p>	<p>C</p>	<p>Có 02 ao được lấy mẫu để kiểm hàm lượng TP. Kết quả kiểm tra TP cho ao số 1,3,6 kiểm ngày 20/12/2012, kết quả chính xác.</p>
		<p>b. Đối với mỗi ao, tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi của TP giữa đầu vào và đầu ra tại mỗi ngày lấy mẫu bằng cách sử dụng các phương trình được hiển thị ở trên.</p>	<p>C</p>	<p>Kiểm tra chi tiết kết quả tính toán TP của 3 ao số 1,3,6: kết quả chính xác.</p>
		<p>c. Sử dụng kết quả của 3.3.1 (b) để tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình tại TP trên toàn bộ giai đoạn giám sát.</p>	<p>C</p>	<p>Kiểm tra tính toán TP của 3 ao, tất cả kết quả đều <100%</p>
		<p>d. Cung cấp bằng chứng tại hiện trường về việc lấy mẫu nước thải ao cho TP và TN của nhân viên từ các phòng thí nghiệm được công nhận.</p>	<p>C</p>	<p>Chứng kiến nhân viên phòng lab lấy mẫu mẫu nước cấp và nước thải cho thử nghiệm TN: phương pháp lấy mẫu là tuân thủ với các tiêu chuẩn hướng dẫn.</p>
<p>3.3.2</p>	<p>Tiêu chuẩn: Trung bình phần trăm thay đổi tối đa của TN giữa đầu vào và đầu ra (xem phương pháp đo lường TN và công thức xả thải TN ở phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 70%</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Note: see instructions for Indicator 3.3.1</p>		
		<p>A. Cung cấp kết quả phòng lab TN cho mẫu nước thải vào và ra</p>	<p>C</p>	<p>Có 02 ao được lấy mẫu để kiểm hàm lượng TN. Kết quả kiểm tra TP cho ao số 1,3,6 kiểm ngày 20/12/2012, kết quả chính xác.</p>
		<p>b. Đối với mỗi ao, tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi của TN giữa đầu vào và đầu ra tại mỗi ngày lấy mẫu bằng cách sử dụng các phương trình được hiển thị ở trên.</p>	<p>C</p>	<p>Kiểm tra chi tiết kết quả tính toán TN của 3 ao: kết quả chính xác.</p>
		<p>c. Sử dụng kết quả của 3.3.2 (b) để tính toán tỷ lệ phần trăm thay đổi trung bình tại TN trên toàn bộ giai đoạn giám sát.</p>	<p>C</p>	<p>Kiểm tra tính toán TN của 3 ao, tất cả kết quả đều <70%</p>
		<p>d. Cung cấp bằng chứng tại hiện trường về việc lấy mẫu nước thải ao cho TP và TN của nhân viên từ các phòng thí nghiệm được công nhận.</p>	<p>C</p>	<p>Chứng kiến nhân viên phòng lab lấy mẫu mẫu nước cấp và nước thải cho thử nghiệm TN: phương pháp lấy mẫu là tuân thủ với các tiêu chuẩn hướng dẫn.</p>
<p>Ghi chú</p>	<p>[25] Nước trong kênh vào, càng gần trại nuôi chứng nhận càng tốt.</p>			

Ghi chú	[26] Nước thực tế được thải ra, không phải nước nhận					
3.3.3	<p>Chỉ tiêu: Hàm lượng oxi hòa tan tối thiểu trong nước xả thải (xem phương pháp xác định DO ở phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 3mg/l</p> <p>Áp dụng: Ao</p>	<p>Hướng dẫn chủ trang trại về Chỉ số 3.3.3 – Đo hàm lượng DO trong nước thải</p> <p>Xem Tiêu chí 3.2.1 mô tả chung về thiết bị và phương pháp được sử dụng để đo hàm lượng ô-xy hòa tan (DO). Đo hàm lượng DO tại nơi xả nước thải (đo hàm lượng DO trong nước đang được xả ra ngoài, không phải nước</p>				
		<p>a. Cung cấp các ghi chép về hàm lượng DO trong nước xả ra môi trường tự nhiên. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.</p>	C			Đo DO của kênh nước thải gần điểm xả thải 1 lần / tuần. Việc đo DO được tiến hành trong vòng 11 tháng.
		<p>b. Sử dụng tất cả các số liệu đo đạc hàng tuần để tính hàm lượng DO trung bình trong nước xả thải trong cả quá trình theo dõi. Đối với lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.</p>	C			Không có kết quả đo nào < 3 mg / l.
		<p>c. Trong quá trình khảo sát thực địa, thu xếp cho đánh giá viên xem việc chuẩn hóa thiết bị và đo đạc.</p>			NC2	Đánh giá viên quan sát chuyên gia kỹ thuật vùng nuôi hiệu chuẩn thiết bị và đo DO, kết quả máy đo bị sự cố không hiển thị, sau đó nhân viên kỹ thuật sửa chữa được và tiến hành đo, kết quả đạt > 3mg/l.
3.4 Criteria: Sludge disposal for ponds and pens, not cages [27]						
Compliance Criteria (Required Client Actions):						
Ghi chú	[27] Đối với nuôi cá lồng, không yêu cầu giám sát khu hệ sinh vật đáy vì lồng nuôi chỉ chiếm một phần nhỏ sản lượng. Tình trạng này cần được theo dõi và điều chỉnh nếu sản lượng nuôi cá lồng tăng một cách đáng kể.					
3.4.1	<p>Chỉ số: Bằng chứng không thải bùn trực tiếp vào nguồn nước nhận hoặc các hệ sinh thái tự nhiên [28]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Phạm vi áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp kế hoạch chi tiết về quản lý bùn thải (xem mục 3.5.1). Kế hoạch này sẽ đảm bảo không có bất cứ dạng bùn thải nào được xả trực tiếp vào thủy vực nước nhận xả thải hoặc hệ sinh thái tự nhiên.</p>	C			Trang trại đã có kế hoạch quản lý chất thải TT-ASC-QTKSCT phiên bản 1, ban hành 15/05/2012 và Kế hoạch quản lý sức khỏe cá: quy định bùn thải sẽ được bơm và ao chứa bùn. Bùn trong ao nuôi cá sẽ được nạo vét định kỳ sau khi thu hoạch.
		<p>b. Lưu giữ các ghi chép về việc xả bùn thải cho thấy thể tích hay trọng lượng và điều kiện (tươi hoặc khô) khi được xả thải. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đủ ghi chép trong vòng 3 tháng trở lên.</p>			NC3	Có đầy đủ hồ sơ xử lý bùn cho tất cả các ao, kiểm tra hồ sơ của 3 ao đã thu hoạch: ao số 1,3,6 có ghi ngày, thể tích bùn xử lý bùn và địa điểm lưu trữ. Công ty cần có hồ sơ ghi nhận số liệu thô dùng để tính toán lượng bùn thải khi bơm bùn.
		<p>c. Nếu bùn thải được chuyển cho bên khác (VD: để sử dụng trong nông nghiệp) thì cần có xác nhận từ bên tiếp nhận về khối lượng chất thải được chấp nhận, thời gian chuyển và kế hoạch sử dụng bùn thải đó. Bên này cũng phải khai báo rằng bùn thải sẽ không được đổ trực tiếp vào nguồn nước nhận và hệ sinh thái tự nhiên.</p>	C			Công ty có hợp đồng thu gom và xử lý bùn thải từ ao chứa bùn. - Có Tính toán khối lượng bùn cần xử lý của tất cả các ao cho một chu kỳ và tính toán khối lượng bùn của tất cả các khu vực lưu trữ. Kiểm tra các tính toán cho thấy phù hợp.
		<p>d. Nếu sử dụng nơi chứa bùn thải thì cung cấp bản đồ đánh dấu địa điểm nơi chứa bùn thải trong khu vực trang trại hoặc tài liệu chứng minh quyền tiếp cận hợp pháp nơi chứa bùn thải (giấy chứng nhận sử dụng hoặc chứng nhận của chủ sở hữu)</p>	C			Kiểm tra thực tế: có 01 ao chứa bùn thải, phương tiện để bơm bùn và đường ống dẫn bùn thải vào ao chứa bùn..

	Yêu cầu: Không Áp dụng: tất cả	c. Trong thời gian khảo sát thực địa, cho đánh giá viên xem địa điểm tất cả nhà vệ sinh tự hoại và lịch nạo vét và bảo dưỡng của hệ thống.	C				Kiểm tra nhà vệ sinh tự hoại: Sạch sẽ, không có bằng chứng của sự rò rỉ hoặc thải trực tiếp vào môi trường tự nhiên.
		d. Cung cấp bằng chứng về việc chôn lấp chất thải động vật (nếu áp dụng).				NA	Kiểm tra hiện trường: đạt, không có động vật nuôi nào khác tại trang trại
		e. Xác định các nhà vệ sinh tự hoại theo hợp đồng lắp đặt, nếu có	C				Có Hợp đồng xây dựng văn phòng trại và kho thức ăn, bao gồm cả nhà vệ sinh.
3.5.3	Chỉ số: Bảng chứng về các chất thải từ thuốc và hóa chất được xả thải vào môi trường tự nhiên Yêu cầu: Không Phạm vi áp dụng: Tất cả	a. Lập kế hoạch quản lý chất thải từ thuốc và hóa chất của trang trại.	C				- Trang trại đã có kế hoạch quản lý chất thải TT-ASC-KHKSCCT phiên bản 1, ban hành 15/05/2012 : tất cả các chất thải hóa chất và thuốc thú y được thu thập và xử lý bởi các nhà thầu phụ.
		b. Trong thời gian khảo sát thực địa, cho phép đánh giá viên kiểm tra hệ thống quản lý chất thải thuốc và hóa chất của trang trại	C				- Kiểm tra thực tế: không có bằng chứng xả chất thải thuốc và hóa chất vào môi trường tự nhiên.
		-	C				Trang trại có phòng lưu trữ đối với chất thải thuốc và hóa chất. Có đầy đủ Biên bản Giao nhận chứng minh chất thải thuốc và hóa chất được thu thập bởi các nhà thầu phụ.
		Lập kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá sắp chết hợp lý cụ thể cách thức tiêu hủy bằng một hoặc nhiều cách như: thiêu hủy (không tính thiêu hủy bình thường vì không được phép); chôn vùi; ủ lên men dùng làm phân bón, bồn tự hoại hoặc sản xuất bột cá hoặc đầu cá; thức ăn cho gia súc (đòi hỏi phải có xác nhận của chuyên viên bệnh học thủy sản, xem Nguyên tắc 6)- bản					
		a. Cung cấp cho đánh giá viên kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá sắp chết của trang trại.	C				Trang trại có kế hoạch xử lý cá chết trong kế hoạch xử lý chất thải rắn phiên bản 1, ban hành 15/05/2012, trong đó quy định: - Cá chết Thông thường: được bán làm phân bón - Cá chết do dịch bệnh: được cô lập riêng và bán làm phân bón hoặc chôn lấp.
3.5.4	Chỉ số: Bảng chứng về việc tiêu hủy [30] cá chết/cá sắp chết hợp lý Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Tất cả	b. Chôn vùi, thiêu đốt, ủ: lập kế hoạch xác định quy trình, địa điểm và nơi chứa.	C				Kiểm tra thực tế: có một khu vực hố xây xi măng cho việc chôn lấp cá chết được rải với phía trên và không có bằng chứng ô nhiễm.
		c. bồn tự hoại: kế hoạch nêu rõ quy trình tiêu hủy cá trong bồn tự hoại, cụ thể lịch nạo vét bồn và xác định nhân sự liên quan (VD: hợp đồng với bên ngoài trang trại).				NA	Không áp dụng, ko sử dụng bồn tự hoại

		d. sản xuất bột cá hoặc dầu cá: được nêu rõ trong kế hoạch (nếu trang trại lập kế hoạch). Lưu ý rằng phương án này chỉ được phép nếu chuyên viên bệnh học thủy sản xác nhận không nhiễm thuốc trừ sâu.				NA	Không áp dụng, không sử dụng cá chết để sản xuất bột cá hoặc dầu cá
		e. thức ăn cho động vật khác ngoài cá tra (không kể bột cá và đầu cá nêu trong mục "d"): Phương án này chỉ được phép nếu chuyên viên bệnh học thủy sản kết luận nguyên nhân cá chết không phải là một tác nhân truyền nhiễm hoặc chất ô nhiễm hóa học/thuốc trừ sâu.				NA	Không áp dụng, không sử dụng cá chết để làm thức ăn cho các loài động vật khác.
		f. bán: kế hoạch xác định rõ phương án bán. Đối với bán hết cá, chủ trại phải làm hợp đồng trong đó quy định rõ bên mua sẽ sử dụng cá chết như thế nào. Nếu định dùng làm thức ăn gia súc (thức ăn trực tiếp hoặc bột cá, đầu cá) hợp đồng và công bố của chuyên gia bệnh học thủy sản cần xác nhận việc tuân thủ yêu cầu trong 12 tháng trở lại đây. Đối với đánh giá lần đầu, chủ trang trại phải có đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.	C				Kiểm tra hồ sơ ao số 1,3,6: cá bị bệnh, phải điều trị bệnh bằng kháng sinh, có khuyến cáo của chuyên viên sức khỏe cá: tất cả cá chết đều được bán cho hộ dân pằm phân bón hoặc chôn lấp, có lưu hồ sơ đầy đủ. Có hợp đồng mua bán cá chết ký ngày 02/01/2012 với hộ dân Trần Phước Hậu về mua bán cá chết làm phân bón.
		-	C				Thực tế kiểm tra và phỏng vấn công nhân: xác nhận kế hoạch quản lý cá chết hoàn toàn tuân thủ.
Ghi chú		[30] Tiêu hủy cá chết đúng cách bao gồm: thiêu đốt, chôn vùi, lên men và làm phân bón hoặc sản xuất bột cá hoặc dầu cá. Không sử dụng cá chết làm thực phẩm cho con người. Cũng có thể chấp nhận được nếu có bằng chứng thuyết phục rằng tỷ lệ chết					
3.6 Criteria: Energy consumption							
Compliance Criteria (Required Client Actions):							
3.6.1	<p>Chỉ số: Thông tin sẵn có với các thông số sau đây (theo năm/trang trại theo đơn vị được chứng nhận):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiên liệu sử dụng - Lượng điện tiêu thụ - Số lượng cá chết đối với mỗi phương pháp tiêu hủy cá đã áp dụng <p>Yêu cầu: Có Phạm vi áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ các ghi chép (VD: hóa đơn) tiêu thụ năng lượng của trang trại. Tính toán lượng nhiên liệu và điện sử dụng cho trang trại trong 12 tháng gần đây. Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đầy đủ ghi chép trong vòng 6 tháng trở lên.</p> <p>b. Cung cấp các ghi chép về số lượng cá chết (xem Chỉ số 6.4.4) và phương pháp hủy bỏ (xem Chỉ số 3.5.4). Ở lần đánh giá đầu tiên, chủ trang trại phải có đủ ghi chép cho một vụ trọn vẹn tại mỗi điểm (xem lời mở đầu).</p>	C				Có lưu hóa đơn tiền điện và xăng dầu trong 10 tháng.
			C				Có những ghi chép số lượng cá chết hàng ngày cho tất cả các ao và đầy đủ cho cá vụ nuôi.
NGUYÊN TẮC 4: BẢO TỒN ĐA DẠNG LOÀI VÀ QUẢN THỂ HOANG DÃ							
4.1 Tiêu chuẩn: Sự hiện diện của cá tra trong hệ thống thoát nước							
Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)							
4.1.1	<p>Chỉ thị: Trang trại nằm trong một lưu vực sông nơi mà các loài nuôi là loài bản địa hoặc có khả năng tự xác lập giống hình thành trước ngày 1 tháng 1 năm 2005</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng ứng dụng: Trang trại trong một lưu vực</p>	<p>Lưu ý: Nếu loài nuôi không phải là loài bản địa ở lưu vực sông và các loài</p> <p>a. Cung cấp một công bố từ trang trại và nhà cung cấp giống để xác định các loài cá tra nuôi (tên Latin). Duy trì hồ sơ mua con giống.</p> <p>b. Cung cấp một bản đồ của lưu vực sông hiển thị vị trí của trang trại (xem 2.1.1).</p> <p>c. Nếu loài nuôi là bản địa lưu vực sông, cung cấp tài liệu chứng minh (giấy tờ xem xét tương đương, IUCN, FAO hay tổ chức quốc tế khác).</p>	C				<p>Có công bố nhận từ nhà cung cấp con giống " Trung tâm giống An Giang" xác nhận rằng cá giống là loài cá "Pangasius hypophthalmus"</p> <p>Kiểm tra tọa độ GPS trên bản đồ, trang trại nằm trong lưu vực sông Mê Kông.</p> <p>Các loài nuôi là loài bản địa lưu vực sông, có bản sao báo cáo của FAO (Sauvage, 1878) và Tạp chí khoa học của Trường Đại Học Cần Thơ đã ban hành năm 2008 "Tổng quan dẫn liệu về định loại cá Tra Pangasianodon hypophthalmus Phần bố ở vùng hạ lưu sông Mekong".</p>

	sông, nơi loài, hoặc là bản địa hoặc có khả năng tự tái tạo giống được thành lập	d.Nếu loài không phải là bản địa và đã tự tái xác lập nguồn giống trong lưu vực sông, cung cấp tài liệu chứng minh (giấy tờ xem xét tương đương, cơ quan chính phủ [cơ quan có thẩm quyền] tuyên bố hay các tài liệu so sánh tham khảo khác về các phạm vi tác động của các nhóm tuổi tại các thời điểm và vị trí khác nhau) để chứng minh các loài này đã có khả năng tự xác lập nguồn giống trước ngày 01 tháng 01 năm 2005.				NA	Không áp dụng, cá Tra là loài bản địa
		-	C				Kiểm tra thực tế: xác nhận loài cá nuôi là phù hợp
4.1.2	Chỉ thị: Nếu quần thể tự xác lập giống, phải có bằng chứng cho thấy điều này không có tác động tiêu cực đến môi trường [33] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sông nơi loài không phải là bản địa và có khả năng tự xác lập giống được thành lập "	a. Cung cấp tài liệu chứng minh: giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác cho thấy không có tác động tiêu cực. Tác động tiêu cực bởi có khả năng tự xác lập nguồn giống bao gồm nhưng không giới hạn: - Thay đổi sự đa dạng di truyền của cá tra hoang dã thông qua giao phối. - Cạnh tranh (ví dụ như chiếm chỗ ở của các loài địa phương) - Môi trường sống bị phá hoại.				NA	Không áp dụng, cá Tra là loài bản địa
Chu thích cuối:	[32] Khả năng tự xác lập được định nghĩa là tái tạo một cách tự nhiên. Giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác trên các phạm vi ảnh hưởng của các nhóm tuổi khác nhau						
Chu thích cuối:	[33] Giấy tờ xem xét tương đương, báo cáo của cơ quan chính phủ (cơ quan có thẩm quyền) hoặc các tài liệu tham khảo so sánh khác là cần thiết như một bằng chứng.						
4.1.3	Chỉ thị: Nếu loài không phải là loài bản địa và không có khả năng tự xác lập giống, phải có bằng chứng cho thấy các loài này không thể sống trong lưu vực sông [34] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sông nơi các loài không phải là loài bản địa và không có khả năng tự xác lập giống "	a.Cung cấp giấy tờ xem xét tương đương dựa trên các dữ liệu hiện trường. Phân tích lý thuyết là không thể chấp nhận được.				NA	Không áp dụng, cá Tra là loài bản địa
Chu thích cuối:	[34] Công bố xem xét tương đương trên một tạp chí có uy tín được yêu cầu như là bằng chứng cho thấy loài này không thể được xác lập.						
4.2 Tiêu chí: Đa dạng di truyền		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)					
4.2.1	Chỉ thị: Chứng minh [35] rằng con giống [36] đã được sinh sản từ quần thể cá tra tự nhiên tái tạo ở lưu vực sông [37] Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Trang trại ở lưu vực sông, nơi mà loài hoặc là loài bản địa hoặc là loài có khả năng tự tái xác lập giống được thành lập "	a.Có được bằng chứng cho một trong những điều sau đây: b.Cung cấp một bản đồ của lưu vực sông hiển thị vị trí của trang trại (xem 2.1.1). c. Có công bố của nhà cung cấp khẳng định giống cá được sinh sản từ cá bố mẹ có nguồn gốc từ quần thể cá tra sinh sản tự nhiên trong lưu vực sông (thậm chí thông qua vài thế hệ của sinh sản nuôi giam cầm) d. Đối với việc mua cá giống, phải duy trì đầy đủ hồ sơ (như hóa đơn) để xác định nguồn cá bố mẹ trong lưu vực sông. Đối với lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trại phải có ít nhất là 6 tháng.	C				Xem 4.1.1.c
			C				Xem 4.1.1.b
			C				Có công bố nhận từ nhà cung cấp con giống " Trung tâm giống An Giang" xác nhận rằng cá giống là loài cá "Pangasius hypophthalmus"
			C				Kiểm tra nguồn gốc cá giống trong ao số 1,3,6: kết quả phù hợp.
Chu thích cuối:	[35] Một bản đồ tổng thể của sự hình thành cá tra mà chỉ ra đủ các loài cũng như các giống riêng biệt là cần thiết						

Chú thích cuối trang	[36] Trong xuyên suốt tiêu chuẩn này, chữ giống chỉ được dùng để chỉ cho giống pangasius					
Chú thích cuối:	[37] Tiêu chuẩn này có thể áp dụng cho tất cả các trại sử dụng nguồn giống hoặc là từ quần thể loài bản địa hoặc là đã được thành lập trước tháng 01/2005.					
4.3 Tiêu chuẩn: Nguồn giống						
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)				
4.3.1	Chỉ thị: Cho phép sử dụng nguồn giống đánh bắt tự nhiên để nuôi Yêu cầu: Không có Khả năng ứng dụng: Tất cả	a. Cung cấp công bố mà trại không sử dụng con giống đánh bắt tự nhiên để nuôi	C			Có một tuyên bố được ký bởi Quản lý trang trại vào ngày 21/08/2012, xác nhận rằng trang trại không sử dụng con giống có nguồn gốc tự nhiên /hoang dã để thả nuôi.
		b. Có báo cáo của nhà cung cấp mà con giống không phải cá đánh bắt tự nhiên (thí dụ như giống được sinh sản cá bố mẹ nuôi giam cầm).	C			Có một tuyên bố từ nhà cung cấp con giống ký ngày 10/10/2012: không có sử dụng con giống tự nhiên /hoang dã.
		c. Duy trì biên nhận giống cho tất cả các lần thả giống. Trong đợt đánh giá đầu tiên, hồ sơ trại phải có ít nhất là 6 tháng.	C			Có sẵn hồ sơ nguồn gốc con giống cho tất cả các ao đã thả giống. Kiểm tra hồ sơ của ao 1,3,6 : kết quả phù hợp.
4.4 Tiêu chuẩn: Giống biến đổi di truyền và giống lai						
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)				
4.4.1	Chỉ thị: Không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp bằng công bố rằng trại không sử dụng giống biến đổi di truyền hoặc giống lai.	C			Có một tuyên bố được ký bởi Quản lý trang trại vào ngày 21/08/2012, xác nhận rằng trang trại không sử dụng con giống biến đổi gen hoặc giống lai.
		b. Có công bố từ nhà cung cấp giống rằng giống không biến đổi di truyền hoặc giống lai. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ của trại phải có ít nhất là 6 tháng	C			Có một tuyên bố từ nhà cung cấp con giống ký ngày 01/08/2012: không sản xuất và cung cấp giống biến đổi gen hoặc giống lai.
Chú thích cuối:	[31] Một sinh vật biến đổi gen (GMO) là một sinh vật, ngoại trừ con người, trong đó vật liệu di truyền đã được thay đổi theo một cách mà không xảy ra một cách tự nhiên bằng cách giao phối và / hoặc tái tổ hợp tự nhiên (Chỉ thị 2001/18 /EC).					
4.5 Tiêu chuẩn: Xổng thoát						
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)				
4.5.1	Chỉ thị: Bằng chứng là cống nước cấp và thoát của hệ thống nuôi và tất cả các thiết bị bắt giữ được trang bị với mắt lưới hoặc vỉ chắn có kích thước thích hợp để giữ lại con giống trong khi nuôi nhằm ngăn ngừa tất cả các cỡ cá (trong từng đơn vị bắt giữ được đánh giá) xổng thoát Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp hồ sơ trang trại cho thấy kích cỡ cá (ví dụ như trọng lượng trung bình ghi nhận hàng tháng). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	C			Trang trại kiểm tra kích cỡ cá 2 tuần/lần, có đầy đủ ghi chép kích cỡ cá cho tất cả các ao. Kiểm tra hồ sơ ao số 1,3,6: có đầy đủ thông tin cho cá vụ nuôi.
		b. Lưu giữ hồ sơ cho thấy kích thước của mắt lưới hoặc vỉ lưới sắt cho toàn bộ các trang trại. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất 6 tháng.	C			Nhật ký nuôi cá có ghi chép có kích thước mắt lưới sử dụng cho tất cả các ao: 1.0 cm.
		-	C			Kiểm tra thực tế: yêu cầu công nhân trại lặn để kiểm tra mắt lưới tại ao nước thải số 2: đạt yêu cầu.
4.5.2	Chỉ thị: Bằng chứng kiểm tra thường xuyên, kịp thời (ít nhất là một lần một ngày), giảm thiểu và sửa chữa được thực hiện trên lưới hoặc lưới sắt và ghi lại trong sổ tay thường trực (có sẵn để kiểm tra) Yêu cầu: Có	a. Cung cấp hồ sơ trang trại kiểm tra hàng ngày mắt lưới hoặc vỉ lưới sắt được sử dụng trong từng đơn vị sản xuất (ví dụ như tăng trưởng)	C			Kiểm tra và bảo trì lưới được thực hiện hàng ngày, có lưu giữ hồ sơ. Kiểm tra hồ sơ ao 1, 3,6: có đầy đủ thông tin cho cả vụ nuôi.
		b. Giữ hồ sơ của sự giảm thiểu và sửa chữa trong sổ thường trực. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	C			Xem 4.5.2.a

	Khả năng ứng dụng: Tất cả	c. Sắp xếp cho đánh giá viên giám sát quá trình kiểm tra khi đánh giá thực tế.	C				Kiểm tra thực tế: yêu cầu công nhân trại lặn để kiểm tra mắt lưới tại ao nước thải số 2: đạt yêu cầu.
4.5.3	Chỉ thị: Đập nước [38] đủ cao [39] để ngăn chặn rò rỉ nước và việc xả thoát cá vào mùa mưa khi lũ lụt xảy ra Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Ao nuôi	a. Cung cấp hồ sơ hay báo cáo chính thức để chỉ ra mực nước cao nhất ở địa phương (mực nước sông, mực nước thủy triều, mực nước lũ...) trong 10 năm gần nhất.	C				Có Báo cáo của Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Tháp với thông tin về chiều cao tối đa của mực nước khi lũ lụt xảy ra trong thời gian 11 năm ở vị trí sông khu vực trang trại.
		b. Có bản báo cáo của chính quyền địa phương hoặc tổ chức có uy tín báo cáo độ cao (m trên mực nước biển) của đê đập ao nuôi tại điểm thấp nhất của nó. Hiện thị vị trí của đập ao nuôi tại thấp điểm trên bản đồ của trang trại (xem 2.1.1).	C				- Kiểm tra thực tế: Có một địa điểm đổ bê tông, có điểm tọa độ. Kiểm tra và so sánh với hồ sơ: cho thấy phù hợp.
		c. Cung cấp một công bố bằng văn bản nêu rõ không có sự cố tràn đổ hoặc thất thoát đáng kể do lũ lụt gây ra trong 12 tháng qua.	C				Phòng vấn cộng đồng địa phương: không có bằng chứng về việc thất thoát cá.
Chú thích cuối trang	[38] Đập nước: đê chứa nước trong ao.						
Chú thích cuối trang	[39] Xem xét mực nước lớn nhất trong 10 năm (bao gồm trường hợp khi có bão).						
4.5.4	Chỉ thị: Sự hiện diện của các thiết bị bẫy [40] được đặt trong nước thải/kênh thoát nước / hoặc trên cống thoát để bắt cá thoát ra, có hồ sơ phát hiện và hành động sửa chữa (có sẵn để kiểm tra) Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Xác định số lượng và vị trí của tất cả các thiết bị bẫy. Thuật ngữ "thiết bị bẫy" không bao gồm lưới hoặc lưới rào cản (xem 4.5.1).	C				Thiết bị bẫy được đặt trong ao nước thải, kích thước mắt lưới 1.0 cm.
		b. Duy trì một hồ sơ thường xuyên (ít nhất là hàng tuần) kiểm tra bẫy và quan sát xả thoát.	C				Bẫy được kiểm tra hàng ngày, có lưu hồ sơ.
		c. Khi việc xả thoát bị phát hiện, phải ghi lại bất cứ hành động nào được thực hiện để giảm hoặc loại bỏ việc thất thoát này. Trong các lần đánh giá đầu tiên, những hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	C				Không tìm thấy cá xả thoát, công ty có thủ tục có hướng dẫn cho hành động khắc phục khi phát hiện cá thoát ra ngoài.
		-	C				Kiểm tra thực tế: - Bẫy được đặt trong 02 ao chứa nước thải và ngoài sông gần vị trí xả thải. - Chứng kiến nhân viên trang trại kiểm tra bẫy: kết quả bẫy hoạt động tốt.
Chú thích cuối trang	[40] Các thiết bị này không nên gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của cá (ví dụ, lưới rê).						
4.6 Tiêu chuẩn: Bảo trì ao nuôi.							
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)					

4.6.1	Chỉ thị: Bảng chứng cho thấy đê đập được bảo quản nguyên vẹn [41] trong suốt quá trình nuôi. Yêu cầu: Có Khả năng ứng dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị thủ tục hồ sơ cho việc giám sát và sửa chữa đập nước bị sạt lở.	C			Có thủ tục cho việc kiểm tra và bảo trì hệ thống đê bao, đê được kiểm tra hàng ngày.
		b. Duy trì hồ sơ theo dõi đê nước và sửa chữa trong hồ sơ có nêu rõ ngày phát hiện hư hại và khi nông trại bắt đầu và hoàn thành việc sửa chữa.	C			Có đầy đủ hồ sơ kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đê bao cho cả vụ nuôi.
		c. Trong suốt chuyến tham quan hiện trường, phải sắp xếp cho đánh giá viên kiểm tra đê của trại.	C			Kiểm tra thực tế: hệ thống đê bao trong tình trạng được bảo trì tốt.
		-	C			Phỏng vấn cộng đồng: không có bằng chứng cho việc sạt lở bờ đê
Chú thích cuối trang	[41] Không bị tác động bằng cách cho phép xống thoát một phần hoặc tất cả các con giống trong trại.					
4.6.2	Chỉ thị: Bảng chứng đảm bảo không có việc thất thoát cố ý [42] Yêu cầu: Có Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị một tuyên bố rằng các trang trại đã không có việc thất thoát cố ý trong 12 tháng qua.	C			Có một tuyên bố được ký bởi Trưởng trại vào ngày 21 tháng 08 năm 2012, cam kết rằng trang trại không thả cá ra các thủy vực nước tự nhiên trong 12 tháng qua.
		b. Lưu hồ sơ và biên lai để cho thấy rằng tất cả các con giống đã được thu hoạch và bán (xem 2.4.2 và 5.2.1) hoặc loại bỏ đúng cách (xem 3.5.4). Trong các đợt đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	C			Kiểm tra hồ sơ của ao số 1,3,6: có hồ sơ nhập giống, cá chết hàng ngày, biên nhận thu hoạch; kiểm tra kết quả hoàn toàn phù hợp.
		c. Chuẩn bị một văn bản cho bất kỳ khoảng thời gian không hoạt động kéo dài dài hơn 3 tháng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).	C			Xem xét bảng tổng kết sản lượng sản xuất trong năm: kết quả phù hợp.
Chú thích cuối	[42] Mục đích ban đầu của chú thích cuối trang 42 từ tiêu chuẩn Hội Thoại nuôi cá tra đã được làm rõ ở đây cho mục đích đánh giá. Nó bây giờ đọc là: "Sự khác biệt đáng kể giữa số lượng (sinh khối) của cá thả giống và số lượng (sinh khối) bán cá không có					
NGUYÊN TẮC 5. THỨC ĂN SỬ DỤNG VÀ THỰC HÀNH CHO ĂN ĐỂ ĐẢM BẢO ĐẦU VÀO CHO ĂN LÀ BỀN VỮNG VÀ TỐI THIỂU			Major NC	Minor NC	NA	
5.1 Tiêu chuẩn: Tính bền vững của nguyên liệu thức ăn chăn nuôi						
Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)						
5.1.1	Chỉ thị: Sử dụng cá chưa nấu chín hoặc chưa chế biến và / hoặc sản phẩm cá [43] (bao gồm cả cá tạp) làm thức ăn Yêu cầu: Không Khả năng áp dụng: Tất cả	a. Lưu giữ hồ sơ (ví dụ như biên lai) cho tất cả các loại thức ăn mua vào trong 12 tháng qua. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất trong 6 tháng.	C			Có biên nhận cho thức ăn sử dụng cho cá nuôi. Thức ăn sử dụng là thức ăn Vĩnh Hoàn và DOMINAL
		b. Nếu bất kỳ thức ăn tự chế nào được sử dụng, phải cung cấp một bảng mô tả các thành phần và các chế phẩm. Lưu bằng chứng mua (ví dụ như biên nhận) hoặc quyền sở hữu của tất cả các thành phần. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ít nhất trong 6 tháng.				NA N/A, không sử dụng thức ăn tự chế.
		-	C			Chỉ sử dụng thức ăn " Vĩnh Hoàn và DOMINAL "
Chú thích cuối	[43] Các sản phẩm cá được định nghĩa là tất cả các hình thức của cá hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ cá (ví dụ, tươi, đông lạnh, băm nhỏ, sấy khô, bột, dầu, và chế phẩm khác).					

5.1.2	<p>Chỉ thị: Sử dụng cá tra chế biến các phụ phẩm [44] như là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a.Chuẩn bị một tuyên bố rằng không có phụ phẩm cá tra chế biến đã được sử dụng làm thức ăn cho cá tra bất cứ lúc nào trong vòng 12 tháng qua.</p> <p>b.Đối với tất cả các nguồn cấp thức ăn được sử dụng trong 12 tháng qua, có được một tuyên bố từ các nhà sản xuất để thể hiện sự tuân thủ. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p> <p>c.Nếu thức ăn tự chế được sử dụng trong 12 tháng qua, chuẩn bị một tuyên bố rằng không có các phụ phẩm cá tra đã được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Nếu cá hoặc đầu cá đã được sử dụng, thì phải có một tuyên bố xác nhận tuân thủ từ nhà cung cấp tương ứng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	C			<p>- Nông trại chỉ sử dụng thức ăn Công Nghiệp " Vĩnh Hoàn và DOMINAL " cho cả vụ nuôi của tất cả các ao</p> <p>- Nông trại có cam kết không sử dụng Phụ phẩm cá Tra làm nguyên liệu sản xuất thức ăn ký ngày 21/08/2012.</p> <p>Có cam kết từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty CP Vĩnh Hoàn và DOMINAL " ký ngày 10/06/2012 và 21/06/2011 cam kết không sử dụng phụ phẩm cá tra làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn cho cá Tra.</p> <p>- Không áp dụng, không sử dụng thức ăn tự chế.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ: xác nhận tuân thủ.</p>
Chú thích cuối:	<p>[44] Rèo, nội tạng, đầu và xương từ chế biến cá hoặc tự nhiên hoặc nuôi-chế biến các phụ phẩm. Nói chung, các vật này không được tính là một phần của số lượng "sản phẩm cá" khi tính toán lượng cho cá ăn, vì điều này giúp thúc đẩy việc sử dụng tốt nhất</p>					
5.1.3	<p>Chỉ thị: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi không có trong "danh mục bị đe dọa "[45] của Loài bị đe dọa trong Danh sách đỏ của IUCN[46]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng Chỉ thị 5.1.3 - xác nhận không có loài trong danh sách đỏ của IUCN trong thức ăn</p> <p>Đối với các mục đích của Chỉ thị này, định nghĩa sản phẩm cá của ASC sẽ bao gồm tất cả các nguồn hải sản đánh bắt hoang dã, bao gồm cá và các loài động vật không xương sống (ví dụ như tôm, cua, mực). Trang trại phải biết rằng thức ăn có chứa bất kỳ loài trong danh sách đỏ IUCN sẽ không tuân thủ tiêu chuẩn này. Sự hạn chế này mở rộng nguồn thức ăn sử dụng phụ phẩm (ví dụ như cật tía) hoặc sản phẩm nuôi trồng thủy sản trong danh sách đỏ của IUCN.</p> <p>Đối với mỗi sản phẩm cá được sử dụng như là một thành phần thức ăn, phải xác định xem loài này nằm trong danh sách đỏ của IUCN như sau:</p> <p>- Truy cập trang web http://www.iucnredlist.org/</p> <p>Trong lĩnh vực tìm kiếm chính, nhập vào giống và loài</p> <p>- Bấm vào " Run search" và ghi lại trạng thái của các loài.</p> <p>a. Có bản báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p> <p>b.Thăm tra rằng không có loài được xác định trong 5.1.3 (a) là nằm trong "danh mục bị đe dọa" của Danh sách đỏ IUCN về các loài bị đe dọa.</p> <p>c.Nếu thức ăn tự chế được sử dụng, phải xác minh rằng không có loài nằm trong "danh mục bị đe dọa" trong Danh sách đỏ của IUCN. Nếu bột cá hoặc đầu cá đã được sử dụng, có được tuyên bố về việc tuân thủ xác nhận từ nhà cung cấp tương ứng.</p>	C			<p>Có cam kết từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty CP Vĩnh Hoàn và DOMINAL " cam kết không sử dụng bột cá sản xuất từ các loài cá nằm trong danh sách Đỏ của IUCN để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá Tra.</p> <p>Tìm kiếm cơ sở dữ liệu IUCN và thăm tra loài cá sử dụng như là thành phần bột cá cung cấp bởi "Công ty CP Vĩnh Hoàn và DOMINAL ", kết quả cho thấy có sự tuân thủ.</p> <p>NA N/A, không có sử dụng thức ăn tự chế</p>
Chú thích cuối trang	<p>[45] Dễ bị tổn thương, bị đe dọa và nguy cơ đe dọa cao.</p>					
Chú thích cuối:	<p>[46] www.iucnredlist.org Sử dụng phiên bản mới nhất. Thời gian một năm cho phép thích ứng với bất kỳ sửa đổi nào mới, do đó nếu một động vật mới được thêm vào danh sách IUCN, các nhà sản xuất có một năm để đáp ứng các tiêu chuẩn này.</p>					

5.1.4	<p>Chỉ thị: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn không phải là từ các loài được liệt kê trong Công ước về buôn bán quốc tế các loài nguy cấp (CITES) Phụ lục I, II và III [47]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có bản báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch). [Xem Chỉ thị 5.1.5 về tìm nguồn cung ứng của vụn, sản phẩm nuôi trồng là nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.] Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ</p> <p>b. Xác định nếu bất kỳ loài nào được xác định trong 5.1.4 (a) được liệt kê trong Công ước CITES Phụ lục I, II, III bằng cách làm những điều sau đây: - Truy cập http://www.cites.org/eng/resources/species.html - Chọn tùy chọn "Species", nhập giống và loài, và nhấp vào "Find it"</p> <p>c. Nếu thức ăn tự chế được sử dụng, thẩm tra rằng không có loài được liệt kê trong Công ước CITES Phụ lục I, II, III. Nếu bột cá hoặc dầu cá đã được sử dụng, có được tuyên bố từ việc xác nhận tuân thủ cung cấp tương ứng.</p>	C			<p>Có cam kết từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty CP Vĩnh Hoàn và DOMINAL", cam kết không sử dụng bột cá sản xuất từ các loài cá nằm trong danh sách CITES, phụ lục I, II, III để làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá Tra.</p>
Chu thích	[47] http://www.cites.org/eng/app/appendices.shtml					<p>NA</p> <p>N/A, không sử dụng thức ăn tự chế</p>
5.1.5	<p>Chỉ thị: ISEAL chứng nhận bột cá và các sản phẩm dầu cá phải được sử dụng trong thức ăn</p> <p>Yêu cầu: Trong thời hạn 3 năm, phải có sẵn trong khu vực</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả, sau 3 năm ISEAL chứng nhận bột cá và dầu cá sẵn có trong khu vực sản xuất. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng</p>	<p>Lưu ý 1: trở thành cơ sở sản trong khu vực có nghĩa là thương mại sản có trong khu vực (khu vực UN) ít nhất là hai nhà cung cấp độc lập và chỉ định trong tài liệu kinh nghiệm (ngày xuất hiện trong tài liệu kinh nghiệm được sử dụng).</p> <p>a. Có bản báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi xác định nguồn gốc của tất cả các sản phẩm cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (để xác định giống, loài sinh vật và khu vực thu hoạch). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải có ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p> <p>b. Cung cấp bằng chứng cho thấy bột cá và các sản phẩm dầu cá được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi từ các nguồn được chứng nhận tương thích với các tiêu chuẩn của một thành viên ISEAL.</p>	C			<p>Không áp dụng, chứng nhận ISEAL cho bột cá và dầu cá chưa có sẵn trong khu vực.</p>
			C			<p>Không áp dụng, chứng nhận ISEAL cho bột cá và dầu cá chưa có sẵn trong khu vực.</p>
5.1.6	<p>Chỉ thị: ISEAL chứng nhận bột cá và các sản phẩm dầu cá phải được sử dụng trong thức ăn</p> <p>Yêu cầu: Trong thời hạn 5 năm kể từ ngày công bố các tiêu chuẩn PAD</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả, sau tháng 8/2015. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng</p>	<p>a. Có được tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi như Chỉ thị số 5.1.5. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p> <p>b. Cung cấp bằng chứng về nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cá được chứng nhận như Chỉ thị số 5.1.5.</p>	C			<p>Xem 5.1.5.a</p>
			C			<p>Không áp dụng, chứng nhận ISEAL cho bột cá và dầu cá chưa có sẵn trong khu vực.</p>

5.1.7	<p>Chỉ thị: Lựa chọn tạm thời A: bột cá hoặc các sản phẩm đầu cá được sử dụng trong thức ăn có nguồn gốc từ thủy sản với số điểm trung bình (FS) FishSource Lựa chọn tạm thời B: Sản phẩm cá được sử dụng trong thức ăn đã được có nguồn gốc từ các cơ sở có xác nhận là phù hợp với mục 11 (Nguồn chịu trách nhiệm), 2 (Truy xuất nguồn gốc), và 3 (Chịu trách nhiệm sản xuất) của các bột cá quốc tế và Tổ chức đầu cá của (IFFO) "chương trình nguồn gốc có trách nhiệm cho việc chứng nhận của Quy Phạm sản xuất có trách nhiệm về bột cá và đầu cá</p> <p>Yêu cầu: ≥ 6.0 không có điểm cá nhân <6,0 hoặc N/A trong hạng mục đánh giá</p> <p>Có</p> <p>Khả năng ứng dụng: Lên đến khi tiêu chuẩn 5.1.5 hoặc 5.1.6 có thể được đáp ứng. Không áp dụng nếu chỉ vụn và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng</p>	<p>Hướng dẫn cho khách hàng về Chỉ thị 5.1.7 - Điểm số nguồn cá của sản phẩm sử dụng trong thức ăn Để xác định điểm Nguồn Cá của các loài cá được sử dụng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, làm như sau: - Truy cập http://www.fishsource.org/ - Chọn "Species" thả xuống tab bên trái - Chọn loài được sử dụng bởi các trang trại như là một nguồn bột cá hoặc đầu cá - Xác nhận rằng tìm kiếm xác định các loài chính xác, sau đó chọn tab đầu mà đọc "Scores" Xem xét điểm để thăm tra điểm FS trung bình ≥ 6,0; không có điểm riêng lẻ <6.0, và không có "" N / A "" cho thể loại "đánh giá nguồn lợi" (loại 4 trong điểm số nguồn cá).</p>	
		<p>a.Có được tuyên bố từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi cho Chỉ thị số 5.1.5. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ.</p>	<p>C</p> <p>Xem 5.1.5.a</p>
		<p>b.Cung cấp điểm FS hoặc thăm tra của IFFO chứng nhận cho từng loài được sử dụng như là một thành phần thức ăn trong tất cả các nguồn cấp thức ăn được các trang trại sử dụng trong thời gian 12 tháng qua. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và tất cả các yêu cầu thức ăn chỉ áp dụng cho cá tại chỗ</p>	<p>C</p> <p>Không áp dụng, chứng nhận ISEAL cho bột cá và đầu cá chưa có sẵn trong khu vực.</p>
<p>5.2 Tiêu chuẩn: Quản lý hiệu quả thức ăn sử dụng trong trại nuôi</p>			
<p>Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)</p>			
5.2.1	<p>Chỉ thị: Trọng lượng tối đa [50] trung bình của Hệ số chuyển đổi thức ăn kinh tế (eFCR) cho chu kỳ sản xuất hoàn chỉnh</p> <p>Yêu cầu: 1,68</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a.Có được biên lai và / hoặc báo cáo từ nhà cung cấp giống cho thấy trọng lượng trung bình của con giống và số lượng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng và hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p> <p>b.Lưu hồ sơ các loại thức ăn và tổng số lượng được sử dụng (xem 3.1.1a).</p> <p>c.Lưu hồ sơ (ví dụ như biên lai) cho thấy số lượng cá thu hoạch (xem 2.4.2b). Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p> <p>d.Tính toán eFCR và năng suất cho mỗi vụ thu hoạch trong 12 tháng qua bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi nơi (xem phần mở đầu).</p> <p>e.Tính toán eFCR bình quân tối đa cho chu kỳ sản xuất hoàn chỉnh bằng cách sử dụng công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra.</p>	<p>C</p> <p>Có hồ sơ nhập giống cho tất cả các ao. Kiểm tra ao 1,3,6 : dữ liệu chính xác.</p> <p>C</p> <p>Có hồ sơ ghi nhận lượng thức ăn hàng ngày cho tất cả các ao. Kiểm tra hồ sơ ao 1,3,6 : có ghi nhận đầy đủ cho cả vụ nuôi.</p> <p>C</p> <p>Có biên nhận thu hoạch cho 5 ao đã thu hoạch. Kiểm tra biên lai thu hoạch ao 1,3,6 : kết quả phù hợp.</p> <p>C</p> <p>Có các tính toán eFCR cho 5 ao đã thu hoạch. Kiểm tra tất cả các tính toán: kết quả chính xác, ao 1 = 1.51, ao 3 = 1.59, ao 5 = 1.51, ao 6 = 1.63, ao 8 = 1.66. eFCR trung bình cho toàn trại nuôi = 1.58.</p> <p>C</p> <p>Kiểm tra eFCR trung bình của tất cả các ao thu hoạch, eFCR trung bình = 1,58</p>
Chu thích ứng:	<p>[50] Trọng lượng được thực hiện bởi số lượng cá được sản xuất trong các đơn vị canh tác khác nhau (ví dụ như ao, đặng và lồng).</p>		

<p>5.2.2</p> <p>Chỉ thị: Hệ số chuyển đổi tối đa thức ăn cho cá (FFER)</p> <p>Yêu cầu: 0,5</p> <p>Khả năng áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có một hoặc nhiều báo cáo từ nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi cho thấy tỷ lệ phần trăm bao gồm tối đa bột cá và dầu cá trong mỗi loại thức ăn được sử dụng. Trong các lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	<p>C</p>			<p>Có Công bố từ nhà cung cấp thức ăn "Công ty CP Vĩnh Hoàn và DOMINAL " xác về hàm lượng bột cá trong thức ăn như sau: Dominal: - VIP 6 = 26%P: fish meal 5-8%, fish oil: 0.0%. - VIP 7 = 26%P: fish meal 4-7%, fish oil: 0.0%. Vnh Hoan Feed: VHF 26 = 26%P: fish meal 5%, fish oil: 0.5%.</p>
<p>b.Tính FFER bằng cách sử dụng các công thức được đưa ra trong Phụ lục D của tiêu chuẩn cá tra. Các sản phẩm phụ từ chế biến thủy sản của các loài khác hơn so với cá tra nhưng không phải trên Danh sách đỏ của IUCN hoặc CITES có thể được sử dụng và không được xem là yếu tố "bột cá hoặc dầu cá" cho tính toán này.</p>	<p>C</p>			<p>Có cam kết từ nhà cung cấp thức ăn Công ty Vĩnh Hoàn và Dominal xác nhận rằng các loài cá sử dụng làm bột cá để sản xuất thức ăn là phụ phẩm của các loài cá: Aluterus monoceros (Biển Việt Nam), Sardinella gibbosa (Biển Việt Nam), Polynemus longipectoralis (Biển Việt Nam), Saurida filamentosa (Biển Indonexia).</p>	
<p>NGUYỄN TẮC 6. Giảm thiểu các tác động lên hệ sinh thái và sức khỏe con người, trong khi vẫn tối đa hóa sức khỏe cá, an sinh cá và đảm bảo</p>			<p>Major NC</p>	<p>Minor NC</p>	<p>NA</p>
<p>6.1 Tiêu chí: Tỷ lệ chết</p>					
<p>Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)</p>					
<p>6.1.1</p> <p>Chỉ tiêu: Tỷ lệ chết trung bình thực tế tối đa, tính theo phần trăm, kể từ lúc thả giống đến lúc thu hoạch, trong quá trình nuôi thương phẩm (xem công thức tính tỷ lệ chết thực theo phần trăm ở Phụ Lục D)</p> <p>Yêu cầu : 20%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn cho Khách hàng về chỉ tiêu 6.1.1 - Tính tỷ lệ % trung bình cá chết trên thực tế. Tính tỷ lệ cá chết trung bình trên thực tế từ dữ liệu thả giống và thu hoạch từ mỗi ao được trang trại sử dụng trong vòng 12 tháng . Làm một phép tính cho mỗi ao như sau: 1. Xác định số lượng cá giống được thả, con số này có thể được lấy từ: - Số lượng giống trực tiếp hoặc, - Lấy tổng trọng lượng của cá giống thả vào chia cho trọng lượng trung bình của cá giống được thả. 2. Xác định số lượng cá thu hoạch. Con số này lấy từ: - Số lượng cá thu hoạch, hoặc - Lấy tổng trọng lượng của cá thu hoạch chia cho trọng lượng trung bình của cá thu hoạch. 3. Sử dụng công thức trong phụ lục D, tính toán tỷ lệ cá chết trung bình trên thực tế. 4. Lặp lại bước 1, 3 cho mỗi ao. 5. Tính toán tỷ lệ trung bình RPM cho tất cả các ao trong vòng 12</p>	<p>C</p>			<p>Có biên lai nhận giống cho mỗi ao. - Số lượng giống nhập vào mỗi ao nuôi được ghi nhật trong nhật ký nuôi cá. - Kiểm tra ao số 1,3,6: so sánh các bản ghi trong nhật ký nuôi cá và biên lai nhận giống: số liệu chính xác.</p>
	<p>b. Duy trì hồ sơ thu hoạch cho mỗi vụ (Vd: biên lai bán hoặc biên lai của nhà máy chế biến) đủ để chứng minh tổng số lượng cá thu hoạch từ mỗi ao. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh cho mỗi địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)</p>	<p>C</p>			<p>Có biên lai thu hoạch cho 5 ao thu hoạch. Kiểm tra hồ sơ thu hoạch ao 1,3,6, ghi lại chi tiết với số ngày thu hoạch, thu hoạch số lượng cho mỗi ngày, số lượng của mỗi chiếc thuyền vận chuyển mỗi ngày.</p>

		c. Tính toán khối lượng trung bình của tỷ lệ % cá chết thực tế (xem bên trên), sử dụng công thức trong Phụ lục D của tiêu chuẩn. Cung cấp bảng tính toán cho Chuyên gia	C			Xem xét bảng tính Tỷ lệ cá chết trung bình thực tế cho cả vụ nuôi RPM: - RPM của cửa từng ao: Ao 1 = 4.6% ; Ao 3 = 6.2 % . Ao 5 = 7.8%, ao 6 = 9.0%, ao 8 = 6.5%. - RPM trung bình cho toàn trại nuôi = 6.82%
6.2 Tiêu chí: Thuốc thú y thủy sản và hóa chất						
		Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)				
6.2.1	Chỉ tiêu: Chỉ sử dụng thuốc thú y, hóa chất và các sản phẩm sinh học cho phép dùng trong nuôi trồng thủy sản bởi các cơ quan có thẩm quyền và không bị cấm ở các quốc gia nhập khẩu tiềm năng Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	A. Soạn thảo danh mục tất cả các thuốc thú y, hóa chất và các chế phẩm sinh học được sử dụng trong trang trại trong vòng 12 tháng trước. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải được ghi nhận cho ít nhất 01 vụ mùa hoàn chỉnh trên một địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)			NC4	Có danh mục thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng tại Vùng nuôi, phù hợp khi so sánh với danh mục thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học được phê duyệt cho sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam (có sẵn tại Vùng nuôi) tuy nhiên trong danh mục không có tên kháng sinh Vim Fenfish để trị bệnh gan thận mũ như đề cập trong kế hoạch chăm sóc sức khỏe cá.
		B. Cung cấp hồ sơ chi tiết việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất hay chế phẩm sinh học của trang trại trong vòng 12 tháng qua. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 01 vụ mùa hoàn chỉnh trên một địa điểm đánh giá (xem lời mở đầu)	C			- Việc sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học nào đều được ghi nhận trong Nhật ký vùng nuôi. Kiểm tra hồ sơ ao 1,3,6 : tuân thủ. - Kiểm tra thực tế: hợp lệ.
		c. Cho mỗi danh mục được cung cấp trong mục 6.2.1, xác minh các nhà cung cấp và thông tin hợp đồng.	C			Có danh mục nhà cung cấp thuốc với địa chỉ liên lạc cụ thể
		D. Cho mỗi danh mục được cung cấp ở mục 6.2.1, chỉ ra rằng mỗi hạng mục đều được phê duyệt sử dụng trong nuôi trồng thủy sản bởi cơ quan có thẩm quyền Quốc gia.	C			Xem 6.2.1a
		E. Cung cấp danh mục các nơi xuất khẩu của trang trại (Vd: các đối tác nước ngoài) trong vòng 12 tháng qua.	C			Xem xét danh mục và so sánh với biên lai bán hàng cho thấy tuân thủ
		f. Nếu trang trại không thể xác định nước xuất khẩu (6.2.1e), chuẩn bị một danh mục của top 5 nước nhập khẩu cá tra của nước sở tại (EU được coi như là 1 quốc gia đơn lẻ vì cùng chung một pháp chế)	C			Có danh mục các nước xuất khẩu với các loại thuốc và hóa chất bị cấm theo quyết định 1471/QĐ-BNN-QLCL ban hành ngày 20/06/2012 và 2864/QĐ-BNN-QLCL bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam
		g. Cho mỗi nước được xác định (6.2.1e) , cung cấp danh mục các loại thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học bị cấm đối với sản phẩm cá tra nhập khẩu cho tiêu dùng của con người.	C			Có danh sách các thị trường xuất khẩu theo quyết định 1471/QĐ-BNN-QLCL ban hành 20/06/2012 và 2864/QĐ-BNN-QLCL ban hành 14/11/2011 bởi Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam.
		h. Chỉ ra rằng trong 12 tháng qua, Vùng nuôi không sử dụng bất cứ loại thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học bị cấm hoặc chưa được phê duyệt nào bởi nước nhập khẩu	C			Kiểm tra chéo: phù hợp.

6.2.2	<p>Chỉ tiêu: Chỉ sử dụng thuốc thú y và hóa chất cho việc chữa bệnh được kê đơn bởi các chuyên gia về thú y thủy sản [55] dựa vào điều kiện đã xác định, căn cứ trên theo các thông số trên nhãn về việc sử dụng các chất đúng mục đích.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>A. Cung cấp hồ sơ toa thuốc, hoặc giấy tờ ghi chép khuyến cáo của chuyên gia thú y thủy sản cho việc sử dụng thuốc thú y và hóa chất tại vùng nuôi. Trong lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ vùng nuôi phải được ghi nhận trong vòng 6 tháng qua.</p>	C				Kiểm tra hồ sơ ao 1,3,6 : kết quả phù hợp.
		<p>B. Việc ứng dụng của các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng cho điều trị, cung cấp một mô tả về điều kiện và bằng chứng cho thấy sự chứng thực (theo toa) từ một chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải được ghi chép trong vòng ≥ 6 tháng qua.</p>	C				Đối với mỗi lần điều trị, toa thuốc được phê duyệt bởi chuyên gia thú y AAH. Kiểm tra hồ sơ của ao ao 1,3,6 , tất cả thông tin hồ sơ đã tuân thủ.
		<p>C. Nếu ứng dụng khác với thông số trên nhãn, phải có văn bản giải trình từ chuyên gia thú y thủy sản. Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận được từ ≥ 6 tháng trước đó.</p>	C				Toa thuốc đã được chuyên gia thú y ban hành và phê duyệt trước khi sử dụng
		<p>D. Cung cấp bản sao bằng cấp của chuyên gia thú y cho thấy anh ấy/ cô ấy hội đủ các điều kiện phù hợp cho vị trí này.</p>	C				Chuyên gia thú y AAH là chị Dương Võ Mỹ Hạnh đã có bằng kỹ sư chuyên ngành "Bệnh học thủy sản".
Footnote	[55] Các chuyên gia về Thú y thủy sản được định nghĩa theo các quy định của nhà nước nếu các quy định đó có hiệu lực ở quốc gia sản xuất và nuôi trồng. Nếu nhà nước không có quy định này, những người như sau có thể được coi như chuyên gia:						
Footnote	[56] Các thông số ghi trên nhãn có thể được điều chỉnh theo đề nghị của chuyên gia về bệnh học thủy sản. Các đề nghị này phải được ghi trong sổ tay theo dõi ao nuôi hoặc được phê duyệt trong kế hoạch sức khỏe thủy sản.						
6.2.3	<p>Chỉ tiêu: Tuân theo các chỉ dẫn của các chuyên gia thú y thủy sản về:</p> <p>1. Cách sử dụng thuốc thú y và hóa chất theo quy định</p> <p>2. Các thức sử dụng , lưu trữ thuốc thú y, hóa chất được kê đơn.</p> <p>3. Ai là người được thông báo về bệnh dịch và như thế nào?</p> <p>4. Làm thế nào để ngăn chặn lây lan dịch bệnh cho quần đàn tự nhiên và quần đàn nuôi.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đối với thuốc thú y, hóa chất được áp dụng cho tất cả các sự kiện tử vong được thông báo, cung cấp các báo cáo của chuyên gia cho thấy có/anh ấy khuyến nghị về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm thế nào để áp dụng thuốc thú y và hóa chất được kê toa ; - Làm thế nào để xử lý và lưu trữ các loại thuốc thú y và hóa chất được kê toa; - Những người cần được thông báo về dịch bệnh này; - Làm thế nào để hạn chế sự lây lan của căn bệnh này với các quần thể tự nhiên hoặc nuôi lân cận. <p>Trong cuộc đánh giá đầu tiên, hồ sơ vùng nuôi phải ghi nhận ≥ 6 tháng.</p>	C				Kiểm tra "Kế hoạch chăm sóc sức khỏe cá - TT-ASC-KHCSSK, kí ngày 15/05/2012: Phù hợp theo tiêu chuẩn
		<p>B. Cung cấp bản tuyên bố làm theo khuyến cáo của chuyên gia</p>	C				Kiểm tra thông cáo của trang trại ký ngày 15/05/2012: tuân thủ
		-	C				Kiểm tra thực tế: việc lưu trữ các loại thuốc và hóa chất: áp dụng đúng như khuyến cáo của chuyên gia thú y.
		-	C				Kiểm tra thực tế cho thấy phù hợp
6.2.4	<p>Chỉ tiêu: Cho phép bán cá và các sản phẩm từ cá trước khi kết thúc thời hạn cụ thể ghi trên thuốc thú y, hóa chất hoặc là áp dụng 750 °D nếu không có quy định cụ thể ghi trên nhãn</p> <p>Tiêu chuẩn: Không</p>	<p>a. Đối với phương pháp điều trị hóa chất / thuốc trong vòng 12 tháng qua, cung cấp hồ sơ hàng ngày sử dụng và nhiệt độ của nước trong suốt thời gian phục hồi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng và ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).</p>	C				Hồ sơ quản lý thời gian phân hủy thuốc ghi nhận trong "Phiếu chẩn đoán và điều trị bệnh cá" phiên bản 1, ban hành 15/05/2012. Kiểm tra hồ sơ của ao 1, ao 3 và ao 6: kết quả phù hợp.
		<p>B. Cung cấp nhãn ghi rõ thời hạn thời gian phục hồi. Nếu nhãn không chỉ định một khoảng thời gian phục hồi, cung cấp bằng chứng cho thấy thời gian phục hồi > 750oD</p>	C				Kiểm tra hồ sơ của ao ao 1,3,6 : So sánh kiểm soát thời gian đào thải thuốc, so với khuyến cáo sử dụng trên bao bì thuốc: kết quả phù hợp.

	Áp dụng: tất cả	C. Cung cấp bằng chứng (ví dụ như biên lai) cho thấy cá không được thu hoạch trước khi hoàn thành giai đoạn phục hồi trong vòng 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	C			Kiểm tra biên nhận thu hoạch của ao 1,3,6 : cho thấy sự tuân thủ trong việc quản lý thời gian đảo thải của thuốc.
6.2.5	Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng các kháng, vi sinh nguy hiểm cho con người theo phân loại của tổ chức y tế thế giới WHO [57] Yêu cầu : không Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì một danh sách của tất cả các kháng sinh được sử dụng tại trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu). b. Soạn thảo công báo về việc trang trại không sử dụng bất kỳ loại thuốc kháng sinh quan trọng cho y học của con người như phân loại của WHO trong 12 tháng qua. c. Cung cấp danh mục cập nhật của WHO [57]	C			Có danh mục kháng sinh sử dụng tại trang trại, ban hành vào ngày 15/09/2012 * Có tuyên bố của trang trại ký ngày 15/05/2012 * Có một bản sao của WHO - Danh sách các loại thuốc kháng sinh quan trọng đối với con người ở trang trại. * Kiểm tra chéo danh sách kháng sinh sử dụng ở trại (xem 6.2.5.a) với danh mục kháng sinh gây nguy hiểm cho con người của WHO: kết quả phù hợp.
			C			Kiểm tra hiện trường: đạt
Footnote	[57] Refer to the second WHO Expert meeting on Critically Important Antimicrobials for Human Medicine: Categorization for the Development of Risk Management Strategies to Contain Antimicrobial Resistance due to Non-Human Antimicrobial use, 29–31					
6.2.6	Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng thuốc thú y (ngoại trừ vaccine) để phòng ngừa trước khi chưa xuất hiện bất kỳ dấu hiệu bệnh tật cụ thể nào. Tiêu chuẩn: không Áp dụng: tất cả	a. Cung cấp tuyên bố rằng trang trại không sử dụng bất kỳ loại thuốc thú y dự phòng trái phép (bằng chứng của một vấn đề bệnh cụ thể) b. Có được một tuyên bố từ các chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản chỉ ra rằng anh / cô ta không thấy bất kỳ việc sử dụng dự phòng trái phép các loại thuốc thú y (bằng chứng của một vấn đề bệnh cụ thể) của các trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, thời gian được kê khai phải ≥ 6 tháng. c. Duy trì biên lai cho tất cả các mua các loại thuốc thú y. Kiểm toán đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi trang web (xem phần mở đầu). - -	C			Có một tuyên bố của trang trại ký bởi Trưởng trại và Chuyên gia thú y ký ngày 15/05/2012 Xác minh tuyên bố của trang trại 15/05/2012: phù hợp. Biên nhận mua thuốc được lưu giữ từ tháng 05 /2012 đến hiện tại. Kiểm tra tại hiện trường thuốc tồn kho: hợp lệ Kiểm tra hồ sơ sử dụng thuốc của ao 1,3,6 và so sánh với số lượng mua hàng và số lượng lưu kho : phù hợp
6.2.7	Chỉ tiêu: Cho phép sử dụng thuốc kháng sinh (trừ vaccine) làm chất kích thích tăng trưởng Yêu cầu: không Áp dụng: Tất cả	a. Có thông cáo, xác nhận bởi một chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản chỉ ra rằng đã có không sử dụng các loại thuốc thú y (trừ vắc xin) như kích thích tăng trưởng của các trang trại trong 12 tháng qua. Lần đánh giá đầu tiên, thời gian thông được kê khai phải ≥ 6 tháng. -	C			Xác minh tuyên bố của Chuyên viên Thú Ý ký ngày 15/05/2012: đạt Kiểm tra hồ sơ sử dụng thuốc của ao 1,3,6 và so sánh với số lượng mua hàng và số lượng lưu kho : phù hợp
Footnote	[58] Chất kích thích tăng trưởng: Thuốc thú y, như kháng sinh, được sử dụng cho các con khỏe với mục đích làm chúng phát triển nhanh hơn(ko nhằm mục đích chữa một loại bệnh nào)					
6.3 Tiêu chí: Kế hoạch sức khỏe Cá tra						
Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)						

6.3.1	Chỉ tiêu: Xuất trình kế hoạch sức khỏe cá tra được ghi chép và có kiểm tra hàng năm, cập nhật và phê duyệt bởi chuyên gia thú y thủy sản [59] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị bản kế hoạch y tế của trại nuôi cá tra bao gồm tất cả các yếu tố cần thiết (phụ lục E).	C			Kế hoạch sức khỏe sẵn có và bao hàm tất cả các điểm trong phụ lục E và được thực hiện tại vùng nuôi.
		b. Kế hoạch y tế Cá tra được xem xét và chấp thuận bằng văn bản bởi chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản của trang trại.	C			Kế hoạch sức khỏe được xem xét và ký phê duyệt bởi chuyên gia Thú Y - chị Dương Võ Mỹ Hạnh.
		c. Xem xét lại kế hoạch sức khỏe ít nhất 12 tháng 1 lần. Cập nhật những yêu cầu cần thiết và có phê duyệt của Chuyên gia thú y	C			Chưa áp dụng, chứng nhận lần đầu.
		-			NCS	Thực tế kiểm tra: Kế hoạch sức khỏe cá được thực hiện. Tuy nhiên thực tế trang trại có tiêm vaccin phòng bệnh Gan Thận Mũ cho cá giống trước khi nuôi thịt nhưng chưa bổ sung hoạt động này vào kế hoạch chăm sóc sức khỏe cá.
Footnote	[59] GlobalG.A.P. AB 5.2.3 được dùng để sửa đổi để thích hợp với nhu cầu của các bên tham gia PAD					
6.4 Tiêu chí: Lưu trữ hồ sơ cơ thể của một đơn vị nuôi.						
Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)						
6.4.1	Indicator: Sự sẵn sàng của hồ sơ ghi nhận tên, nguyên nhân sử dụng, ngày, liều lượng và thời gian ngưng sử dụng của tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất được sử dụng trong trại giống và cơ sở nuôi thương phẩm. Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	A. Duy trì hồ sơ xác minh tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi trồng. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ≥ 6 tháng.	C			Xem 6.2.6.c
		B. Duy trì bản sao nhân để chỉ rõ thời gian phục hồi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận cho ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh trên 1 địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu)	C			Xem 6.2.4.a
		c. Duy trì thông cáo có chữ ký của chuyên gia thú y chỉ rõ ngày, chẩn đoán, phương pháp điều trị và thời gian phục hồi (nếu khác với nhân) của tất cả các thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong quá trình nuôi. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải trên sau tháng.	C			Kiểm tra toa thuốc của chuyên gia thú y: hợp lệ
		D. Có bản thông cáo được xác nhận từ nhà cung cấp xác minh các loại thuốc thú y và hóa chất sử dụng trong sản xuất giống, Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ mùa hoàn chỉnh/địa điểm đánh giá	C			Có tuyên bố từ các nhà cung cấp giống về thuốc và hóa chất sử dụng trong quá trình sinh sản và ương giống. Kiểm tra hồ sơ của ao số 1,3,6 : có công bố của nhà cung cấp giống về các loại thuốc đã sử dụng.
6.4.2	Chỉ tiêu: Sự sẵn sàng của hồ sơ ghi nhận nguồn gốc, kích cỡ, và chất lượng của giống được thả. Các hồ sơ về chất lượng giống bao gồm: 1. Mô tả dấu hiệu chung và các biểu hiện bất thường 2. Danh mục thuốc thú y, hóa chất và các phế phẩm sinh học được sử dụng ở giai đoạn trước con giống. 3. Kết quả phân tích mầm bệnh dịch theo quy định của Pháp luật. Yêu cầu: Có Áp dụng: tất cả	Đối với tất cả các lần thả trong 12 tháng qua, có văn bản với chữ ký từ các nhà cung cấp giống báo cáo về: - Nguồn gốc, kích thước và chất lượng giống cung cấp; - Ngày được cung cấp; - Mô tả của bất kỳ dấu hiệu bên ngoài của các bất thường tại thời điểm bán; Danh sách các loại thuốc thú y, hóa chất và các sản phẩm sinh học được sử dụng trong giai đoạn trước đó (tức là sử dụng bất cứ lúc nào từ sinh sản); - Kết quả kiểm tra sau tác nhân gây bệnh theo pháp luật (nếu có). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	C			* Có hồ sơ nhập giống cho tất cả các ao. * Kiểm tra hồ sơ của ao số 1,3,6 : có hồ sơ kiểm tra nhập giống về số lượng và chất lượng theo yêu cầu. * Có tờ khai từ nhà cung cấp giống về các hóa chất hoặc thuốc thú y được sử dụng trong sản xuất giống.

6.4.3	<p>Chỉ tiêu: Hồ sơ ghi chép hàng ngày việc theo dõi thường xuyên các biểu hiện bị sốc hoặc bệnh của cá</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>a. Duy trì hồ sơ hàng ngày (nhật ký) giám sát triệu chứng sốc hoặc bệnh tật. Hồ sơ phải xác định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày; - Sự hiện diện của dấu hiệu bên ngoài và hành vi của các bất thường (tức là cho ăn hành vi, hành vi bơi, tổn thương, các điểm, ecto-ký sinh trùng lớn, xói mòn vây, vv); - Số lượng cá chết. <p>lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải ghi nhận ít nhất 1 vụ đầy đủ/địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).</p>	C			<p>Hồ sơ giám sát hàng ngày có trong nhật ký trang trại. Khi cá có dấu hiệu bệnh hoặc lượng cá chết tăng, chuyên gia thú y sẽ phân tích, làm hồ sơ trên toa thuốc.</p>
Footnote	<p>[60] Các dấu hiệu cá bị sốc hoặc biểu hiện bất thường vd: bơi, giảm ăn, các dấu hiệu bên ngoài (vết thương, đốm, tổn thương vây)</p>					
6.4.4	<p>Chỉ tiêu: Tất cả những trường hợp cá chết trung bình ngày cao hơn tỉ lệ chết trung bình ngày của trại nuôi phải được báo cho chuyên gia thú y của trại nuôi.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: tất cả</p>	<p>Hướng dẫn Chỉ tiêu số 6.4.4 - Thiết lập một ngưỡng cho các báo cáo tỷ lệ cá chết</p> <p>Chỉ tiêu 6.4.4 yêu cầu các trang trại báo cáo tất cả các sự kiện tỷ lệ cá chết đáng kể cho các chuyên gia sức khỏe động vật thủy sản. Tiêu chuẩn ASC cá tra không quy định một giá trị ngưỡng cụ thể cho tất cả các trang trại áp dụng trên tất cả các trường hợp. Thay vào đó, tiêu chuẩn đòi hỏi các trang trại trao đổi với chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản của họ để phát triển một ngưỡng cho báo cáo cá chết thích hợp để xác định các sự kiện quan trọng hoặc cá chết "trên trung bình" dựa trên dữ liệu nông nghiệp. Trong việc thiết lập một ngưỡng, trang trại phải xem xét sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng phải được tạo ra bằng cách sử dụng dữ liệu trang trại cho tỷ lệ cá chết và điều này bao gồm thông tin trang trại từ ao được lựa chọn ít <p>a. Duy trì một bản ghi hàng ngày của mỗi ao để giám sát tỷ lệ tử cá chết (xem 6.4.3). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi địa điểm đánh giá (xem phần mở đầu).</p> <p>b. Hồ sơ ghi chép tỷ lệ cá chết hàng ngày phải được chuyên gia thú y xem xét. Hỏi chuyên gia để xác định một ngưỡng đối với các báo cáo của các sự kiện cá chết dựa trên đánh giá của tỷ lệ tử cá chết của trang trại (xem hướng dẫn).</p> <p>c. Mô tả cách ngưỡng được thành lập trong Chương trình Y tế của trang trại cá tra (xem 6.3.1).</p> <p>d. Duy trì hồ sơ để cho thấy rằng trang trại báo cáo tất cả các sự kiện tử vong vượt ngưỡng đến Chuyên gia AAH. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.</p>	C			<p>Hồ sơ ghi nhận tỷ lệ cá chết có trong nhật ký trang trại</p>
C		<p>Chuyên gia thú y đã xem xét hồ sơ cá chết hàng ngày và ký trong nhật ký vùng nuôi</p>				
C		<p>"Kế hoạch Quản lý sức khỏe cá" thể hiện Ngưỡng tỉ lệ tử vong.</p>				
C		<p>Đánh giá báo cáo hồ sơ và kiểm tra chéo đối với các hồ sơ cá hao hụt hàng ngày của ao 1,3,6 : kết quả phù hợp.</p>				
6.5 Tiêu chí: "Phúc lợi" cá						
		<p>Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)</p>				
<p>Hướng dẫn cho khách hàng của Chỉ tiêu 6.5.1 - Tính Tỷ lệ tăng trưởng</p>						

<p>6.5.1</p>	<p>Chỉ tiêu: Tỷ lệ tăng trưởng trung bình tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: 3.85 g/ngày</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>trung bình</p> <p>Phụ lục D của tiêu chuẩn ASC có tra cung cấp các công thức để tính toán năng suất và tốc độ tăng trưởng trung bình (AGR). Trang trại phải thực hiện những tính toán này bằng cách sử dụng dữ liệu thả và sau thu hoạch từ các ao (tức là nó được tính toán trên cơ sở cây trồng theo vụ). Cần được thực hiện như sau:</p> <p>Năng suất (từ Pond1) = tổng trọng lượng cá thu hoạch (từ Pond1) - tổng trọng lượng cá đã cung cấp (Pond1)</p> <p>AGR_{P1} = Yield_{P1} / thời gian của chu kỳ sản xuất (Pond1)</p> <p>Trường hợp trọng lượng được xác định gram (g), thời gian là ngày (d), AGR được tính theo đơn vị gam mỗi ngày (g / ngày), và ao được xác định bởi P₁, P₂, vv P₃</p> <p>Lặp lại các tính toán AGR cho ao ao thứ hai thứ ba, ... cho đến khi một AGR đã được xác định cho từng ao đã được thu hoạch. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu). Tiếp theo tính toán bình quân trang trại rộng AGR bằng cách sử dụng công thức sau đây:</p> <p>Trung bình có trọng AGR = [(AGR_{P1} x Yield_{P1}) + (AGR_{P2} x Yield_{P2}) ... + (AGR_{Pn} x Yield_{Pn})] / (Yield_{P1} + Yield_{P2} ... + Yield_{Pn})</p> <p>Làm rõ lưu ý:</p>	
		<p>a. Duy trì hồ sơ (ví dụ như biên lai từ các nhà cung cấp giống) cho thấy trọng lượng của cá thả vào mỗi ao (xem 6.1.1). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p>	<p>C</p> <p>Trọng lượng cá lúc thả được ghi nhận lại trong nhật ký trang trại cho mỗi ao</p>
		<p>b. Duy trì hồ sơ cho thấy trọng lượng cá thu hoạch từ mỗi ao (xem 2.4.2b). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p>	<p>C</p> <p>Trọng lượng cá thu hoạch được ghi nhận trong biên nhận thu hoạch</p>
		<p>c. Tính toán tốc độ tăng trưởng trung bình của cá trong mỗi ao như mô tả ở trên (xem hướng dẫn).</p>	<p>C</p> <p>Có các tính toán AGR cho 5 ao đã thu hoạch. Kiểm tra các tính toán, kết quả AGR của Ao1 = 4.15 g/ngày ; Ao 3 = 3.87 g/ngày, ao 5 = 4.15 g/ ngày, ao 6 = 4.05 g/ ngày, ao 8 = 4.47 g/ ngày.</p>
		<p>d. Sử dụng kết quả của 6.5.1c, tính toán tốc độ tăng trưởng bình quân AGR.</p>	<p>C</p> <p>AGR trung bình của 5 ao đã thu hoạch = 4.12 g/day</p>
<p>6.5.2</p>	<p>Chỉ tiêu: Mật độ cá tối đa vào bất cứ thời điểm nào trong ao</p> <p>Yêu cầu: 38 kg/m² với nuôi ao và bè</p> <p>Áp dụng: Ao và bè</p>	<p>a. Cung cấp kế hoạch của trang trại cho thấy diện tích bề mặt (m²) của mỗi ao</p> <p>b. Duy trì hồ sơ tổng trọng lượng (kg) cá thu hoạch từ mỗi ao (2.4.2b). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p> <p>c. Đối với mỗi ao, chia trọng lượng của cá thu hoạch (kết quả từ 6.5.2b) cho diện tích bề mặt của ao (kết quả từ 6.5.2a) để tính toán mật độ cá (kg/m²). Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).</p>	<p>C</p> <p>Diện tích mỗi ao được ghi nhận trong nhật ký vùng nuôi.</p> <p>Có biên lai thu hoạch cho 3 ao thu hoạch. Kiểm tra hồ sơ thu hoạch ao 1,3,6 , ghi lại chi tiết với số ngày thu hoạch, thu hoạch số lượng cho mỗi ngày, số lượng của mỗi chiếc thuyền vận chuyển mỗi ngày.</p> <p>Có các tính toán mật độ tối đa cho 5 ao đã thu hoạch. Kiểm tra tất cả các tính toán, kết quả là ao 1= 31.3 kg/m², ao 3= 30.3 kg/m² và ao 5 = 28.5 kg/m², ao 6 = 29.0 kg/m², ao 8 = 29.5 kg/m²</p>

		d.Ngoài việc tính toán mật độ cá thu hoạch (6.5.2.c), trang trại có trách nhiệm ghi lại mật độ ước tính hàng tháng cho mỗi ao bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (ví dụ như từ nhật ký trang trại) và diện tích bề mặt (xem 6.5.2a).Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.	C				Xem xét ước tính mật độ cá hàng tháng của ao 1,3,6 : phù hợp
6.5.3	Chỉ tiêu: Mật độ cá tối đa vào bất cứ thời điểm nào. Yêu cầu: 80 kg/m3 với lồng Áp dụng: lồng	A. Cung cấp bản mô tả hệ thống chỉ rõ số lượng ao và dung tích mỗi ao				NA	Không áp dụng, Ao
		b. Duy trì hồ sơ của tổng lượng cá thu hoạch mỗi ao. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu)..				NA	Không áp dụng, Ao
		c. Với mỗi ao, chia khối lượng cá thu hoạch cho dung tích ao để tính mật độ cá. Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ít nhất 1 vụ đầy đủ cho mỗi ĐDDG (xem phần mở đầu).				NA	Không áp dụng, Ao
		d.Ngoài việc tính toán mật độ cá thu hoạch (6.5.3.c), các trang trại có trách nhiệm ghi lại mật độ ước tính hàng tháng của cá cho mỗi ao bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (ví dụ như từ nhật ký trang trại) và dung tích ao (6.5.3a).Lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao gồm ≥ 6 tháng.				NA	Không áp dụng, Ao
6.6 Tiêu chí: Kiểm soát dịch hại							
Tiêu chuẩn tuân thủ (Hành động khách hàng được yêu cầu)							
6.6.1	Indicator: Sử dụng động vật dữ để kiểm soát Yêu cầu: không Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị một danh sách của tất cả các thiết bị kiểm soát động vật ăn thịt và vị trí của chúng.	C				Chỉ có bẫy chuột tại vùng nuôi, không sử dụng công cụ bẫy nào khác.
		-	C				Chỉ có bẫy chuột tại vùng nuôi, không sử dụng công cụ bẫy nào khác.
Footnote	[61] Loài dịch hại được định nghĩa là những động vật có nguy cơ gây ra cái chết cho những con cá Tra/basa khỏe mạnh. Tiêu chuẩn này bao gồm tất cả các loài dịch hại trong suốt thời gian nuôi, nhưng chỉ có chim, bò sát, thú. Chuột không nằm trong danh						
6.6.2	Chỉ tiêu Tỷ lệ tử vong của các loài trong danh sách đỏ IUCN Yêu cầu: 0 (zero) Áp dụng: Tất cả	Instruction to Clients for Indicator 6.6.2 - Presence of IUCN Red Listed					
		a.Thực hiện phân tích. Ghi lại tất cả các loài nằm trong DS đỏ IUCN niêm yết trong khu vực của trang trại.	C				
		b. Nếu bất kỳ loài nằm trong DS đỏ IUCN được xác định trong khu vực của trang trại (bao gồm cả tiếp nhận và nguồn nước), viết một thủ tục trong đó mô tả làm thế nào các trang trại sẽ tránh gây tử vong.	C				Xem 6.6.2.a

			C				Phòng vấn cộng đồng: không có bằng chứng trang trại gây ra tử vong cho các loài được liệt kê trong danh sách đỏ IUCN (xem 2.2.4.e)
Social requirements in the standards shall be audited by an individual who is a lead auditor in conformity with SAAS Procedure 200				Major NC	Minor NC	NA	
NGUYỄN TẮC 7. Xây dựng và vận hành trang trại theo cách có trách nhiệm về xã hội, đóng góp có hiệu quả cho phát triển cộng đồng và xóa							
7.1 Tiêu chuẩn: Luật lao động							
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):					
7.1.1	<p>Cụ thể: Tuân thủ với các luật lao động của quốc gia nơi diễn ra các hoạt động sản xuất nuôi trồng cá tra, ba sa.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Sử dụng tất cả các luật lao động của quốc gia sở tại và địa phương có thể áp dụng tại trang trại. Các qui định nên bao quát được các vấn đề sau: hợp đồng lao động, lao động trẻ em, giờ làm việc, điều kiện sống và làm việc, mức lương tối thiểu và trợ cấp/phúc lợi, điều kiện sức khỏe và an toàn lao động, quy định trong trang trại.</p>	C				<p>- Tại thời điểm đánh giá, trang trại có 16 nhân viên và nội qui của trang trại ban hành ngày 10 tháng 04 năm 2012, duyệt bởi phòng lao động địa phương ngày 05 tháng 07 năm 2013.</p> <p>- Thỏa ước lao động tập thể được duyệt bởi phòng lao động địa phương vào ngày 07 năm 2013.</p> <p>tình trạng của trang trại:</p> <p>- Trang trại áp dụng ASC từ tháng 05/2012 đến nay.</p>
		<p>b. Đảm bảo rằng trang trại và tất cả các nhân viên tại trang trại tuân thủ theo luật lao động</p>	C				Tất cả quyền công nhân thể hiện trên hợp đồng lao động và qui định của trang trại, thỏa ước lao động.
7.2 Tiêu chuẩn: Lao động trẻ em [62] và lao động vị thành niên [63]							
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):					
Ghi chú	[62] Trẻ em: bất cứ người nào dưới 15 tuổi, trừ khi có luật quy định tuổi lao động tối thiểu ở địa phương quy định độ tuổi làm việc cao hơn hoặc tuổi tham gia giáo dục bắt buộc, trong các trường hợp đó, mức tuổi cao hơn sẽ được áp dụng. Tuy nhiên nếu luật tuổi lao động tối thiểu của địa phương quy định ở độ tuổi 14 chiếu theo kỳ vọng của nước đang phát triển theo công ước 138 của ILO thì độ tuổi (thấp) này sẽ áp dụng. Lao động trẻ em không bao gồm các hoạt động của trẻ em giúp bố mẹ trong trang						
Ghi chú	[63] Lao động vị thành niên: Bất cứ lao động nào có độ tuổi giữa tuổi trẻ em và dưới 18 tuổi						
		<p>a. Duy trì một sanh sách tất cả những người làm công tại trang trại có cả ngày sinh</p>	C				Có 16 nhân viên, người công nhân trẻ nhất là chị Võ Thị Cẩm Trinh sinh 21/10/1990 và gia nhập công ty tháng 05/ 2013. khoảng 24 tuổi.
	<p>Cụ thể: Tuổi lao động tối thiểu</p>	<p>b. Lưu bản sao tất cả chứng minh nhân dân của những người làm công đã liệt kê</p>	C				Tất cả các nhân viên có CMND phù hợp với danh sách và hợp đồng lao động.

7.2.1	<p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>c. Bảo đảm rằng không có người lao động dưới tuổi (Sử dụng ngày sinh để tính chính xác tuổi), xem ghi chú [62]</p>	C			<p>Thông báo tuyển dụng và thông tin tuyển dụng đều ghi rõ vấn đề này. Chính sách tuyển dụng lao động ban hành 15 tháng 05 năm 2013. Tất cả nhân viên được tuyển dụng tại công ty không thực hiện tại trang trại.</p>
7.2.2	<p>Cụ thể: Đối với người làm công dưới 18 tuổi</p> <p>1 - Công việc không ảnh hưởng đến việc học hành 2 - Giờ làm việc khi cộng với giờ học không vượt quá 10 giờ /ngày 3 - Công việc được giới hạn ở các công việc nhẹ [64] 4 - Không được làm các công việc nguy hiểm [65]</p> <p>Yêu cầu: Có</p>	<p>a. Bảo đảm rằng các hợp đồng của các công nhân dưới 18 tuổi chỉ ra rằng quyền của các công nhân trẻ (như trong các yêu cầu này) và mô tả công việc chi tiết đủ để cho phép đánh giá viên kiểm tra các công nhân này được giới hạn trong các công việc nhẹ và không nguy hiểm.</p> <p>b. Duy trì hồ sơ cam kết đến trường của mỗi công nhân trẻ hơn 18 tuổi</p> <p>c. Duy trì hồ sơ giờ làm việc mỗi ngày của tất cả các công nhân trẻ hơn 18 tuổi. Cho lần đầu tiên đánh giá, hồ sơ của trang trại phải bao gồm không ít hơn 6 tháng (≥ 6 tháng)</p> <p>d. Bảo đảm rằng quyền của các công nhân trẻ như các yêu cầu đã chỉ ra được tôn trọng thích đáng tại trang trại.</p>	C			<p>Thể hiện trên thông tin tuyển dụng và chính sách công ty.</p> <p>Trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.</p> <p>Trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.</p> <p>Trang trại không có nhân viên dưới 18 tuổi.</p> <p>Phòng vấn các công nhân tại trang trại không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu nào vi phạm lao động trẻ và trẻ em.</p>
Ghi chú	<p>Áp dụng: Cho những công nhân trẻ hơn 18 tuổi: Công việc nhẹ là công việc 1) không có khả năng gây hại đến sức khỏe hoặc sự phát triển của trẻ em 2) không có khả năng cản trở sự tham gia học hành, sự tham gia vào các chương trình đào tạo hoặc định hướng nghề nghiệp hoặc không có khả năng triệt tiêu các lợi ích trẻ nhận được từ các hướng dẫn</p>					
Ghi chú	<p>[65] Công việc nguy hiểm: Các công việc mà bản chất hoặc hoàn cảnh công việc đó được triển khai có khả năng gây hại cho sức khỏe, an toàn lao động hoặc đạo đức của người làm công</p>					
<p>7.3 Tiêu chuẩn: Lao động bắt buộc và lao động áp bức [66]</p>						
<p>Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):</p>						
Ghi chú	<p>[66] Lao động cưỡng bức (ép buộc): Tất cả các công việc hoặc dịch vụ được triển khai dưới điều kiện bị đe dọa trừng phạt nếu người làm công không thực hiện Công việc đưa cho người làm một cách tình nguyện hoặc công việc hoặc dịch vụ được yêu cầu như là một hình thức trả nợ. "Trừng phạt" có thể ám chỉ cả trừng phạt về tiền, trừng phạt về mặt thể chất, hoặc mất quyền hoặc bị hạn chế di chuyển (ví dụ</p>					
7.3.1	<p>Cụ thể: Người làm công được tự do chấm dứt công việc của họ và nhận được chi trả đầy đủ đến ngày làm việc cuối cùng, dựa trên sự thông báo hợp lý [67] họ gửi cho người thuê lao động [68]</p> <p>Yêu cầu: Có</p>	<p>a. Bảo đảm rằng tất cả các hợp đồng lao động chỉ rõ công tự do chấm dứt công việc và nhận đầy đủ lương của họ cho đến ngày cuối cùng.</p> <p>b. Bảo đảm rằng quyền của các người làm công được chỉ ra trong tiêu chuẩn được tôn trọng thích đáng.</p> <p>c. Bảo đảm rằng không ai trong trang trại hay đại diện người sử dụng lao động không cất giữ bản gốc giấy tờ tùy thân của người làm công</p>	C			<p>Công ty đã ký hợp đồng lao động cho tất cả các nhân viên</p> <p>Tất cả quyền của công nhân được thể hiện trên hợp đồng lao động và nội qui trang trại.</p> <p>Phòng vấn công nhân phản hồi nhận được hợp đồng lao động sau khi ký với phòng nhân sự. Không giữ bất kỳ giấy tờ nào của nhân viên.</p>

	Áp dụng: Tất cả	d. Bảo đảm rằng trang trại không không giữ bất cứ phân lượng, phức lợi, tài sản hoặc tài liệu gì của người làm công để ép buộc người làm công tiếp tục làm việc cho họ.	C				Đã kiểm tra các khoản chi trả và phỏng vấn công nhân. Họ thỏa mãn tất cả các phúc lợi của trang trại. Không có bất kỳ vi phạm nào giữ tiền của công nhân.
		e. Đảm bảo rằng không có người làm công nào bị ép buộc làm việc tại trang trại để trả các khoản nợ.	C				Phỏng vấn công nhân và không có dấu hiệu vi phạm.
Ghi chú	[67] Như đã cam kết trong hợp đồng						
Ghi chú	[68] Người thuê lao động là những người làm công việc của chính họ hoặc với một hoặc một số thành viên, giữ công việc được gọi là "công việc tự thuê" và trong khả năng nay, dựa trên nền tảng liên tục (bao gồm cả thời kỳ thử thách/ tham chiếu) đã tuyển một hoặc một số người làm việc cho nghề kinh doanh của họ như là những người làm công						
7.4 Tiêu chuẩn: Sức khỏe và an toàn							
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):							
7.4.1	Cụ thể: Người làm công môi trường sống và làm việc không nguy hại Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì một danh mục tất cả các mối nguy về sức khỏe và an toàn lao động và môi trường sống của người làm công.	C				Có danh sách đánh giá rủi ro ban hành 21/Aug/2012 và hướng dẫn an toàn (SSOP-ATLD) ban hành 21/Aug/2012. Trong năm nay, không có tai nạn trong trang trại
		b. Cung cấp các Hướng dẫn công việc (Standard Operating Procedures - SOP) hay các hướng dẫn thực hành an toàn (SOP) cho tất cả các mối nguy về sức khỏe và an toàn đã được liệt kê.	C				Trang trại có thủ tục ứng phó khẩn cấp cho 7 SOP (Nước ao nuôi, Sức khỏe công nhân, Ngăn ngừa SP nhiễm bẩn, Sử dụng bảo quản hóa chất, Kiểm soát động vật gây hại, Kiểm soát chất thải & Vệ sinh trại)
		c. Bảo đảm rằng các người làm công đều tuân thủ các SOP của trang trại về sức khỏe và an toàn và được bảo vệ thích đáng khỏi các mối nguy.	C				Trưởng trang trại đã thực hiện huấn luyện tất cả SOP vào ngày 26/07/2012. - Huấn luyện an toàn thực hiện 26/07/2012. - Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của bếp trưởng vào ngày 22/03/2013. - Huấn luyện sơ cấp cứu của trưởng trại thực hiện ngày 20/Dec/2012.
		d. Bảo đảm rằng các người làm công được cung cấp nước uống/ nước uống an toàn.	C				- Có 1 bếp ăn tập thể trên farm. - Nước uống được cung cấp bởi nhà cung cấp Lập Huệ với đầy đủ giấy chứng nhận chất lượng nước uống ngày 08/01/2013. - Kiểm tra sức khỏe vào ngày và khám sức khỏe của bếp trưởng vào 22/03/2013 đáp ứng yêu cầu thông tư 13 13/2007/TT-BYT và quyết định số 41/2005/QĐ-BYT.

		e. Bảo đảm rằng điều kiện vệ sinh cho tiêu hủy an toàn các rác sinh hoạt trong thực tiễn.	C			Có 4 thùng rác sinh hoạt và trang trại đã ký hợp đồng với nhà thầu phụ ho xử lý rác và thu gom rác (No.12/HĐ). Ký ngày 27/Jul/2012.
		f. Bảo đảm rằng nhà ở các người làm công được xây dựng bằng các nguyên vật liệu có thể chịu được được các điều kiện cư trú.	C			Có 6 nhà nghỉ cho 6 công nhân ở lại đêm và không sử dụng công nhân trực đêm. Có 06 công nhân ở lại trang trại vào đêm và có đăng ký với chính quyền địa phương.
7.4.2	Cụ thể: Người làm công nhận biết các mối nguy về sức khỏe và mối nguy an toàn lao động[69] ở nơi làm việc và biết cách đối phó với các mối nguy đó Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả, Khuôn viên trang trại	a. Đảm bảo rằng tất cả các công nhân hiểu được các mối nguy được liệt kê trong 7.4.1a và của SOP trong 7.4.1b	C			Phòng vấn công nhân đều nhận thức tốt các mối nguy và được cung cấp PPE miễn phí. Có danh sách phân phối PPE và quản lý farm định kỳ kiểm tra tình trạng sử dụng. Có 1 tử cứu thương tại Canteen được duy trì tốt.
Ghi chú	[69] Mối nguy: Tiềm tàng hiện diện để gây tổn thương hoặc hủy hoại sức khỏe của con người- ví dụ không được trang bị để xử lý máy phân tích kim loại nặng một cách an toàn/trực diện với các hóa chất độc hại mà không được bảo vệ					
7.4.3	Cụ thể: Người thuê lao động ghi chép tất cả các tai nạn, kể cả tai nạn nhỏ [70], và triển khai các hành động sửa chữa và phòng ngừa Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì các hồ sơ của tất cả các tai nạn và các hành động khắc phục đã thực hiện. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ trang trại phải bao gồm ≥ 6 tháng. b. Bảo đảm rằng các hành động khắc phục đều có tại nơi liên quan.	C			Không có tai nạn xảy ra từ tháng 05/2012 đến nay. Có sổ theo dõi tai nạn tại trang trại. (TT-ASC-TDTN)
Ghi chú	[70] Những tai nạn không thể xử lý trong nhà, do vậy người bị nạn được đưa đến bệnh viện gần nhất					
7.4.4	Cụ thể: Người làm công đảm bảo tất cả các lao động thường xuyên có bảo hiểm y tế Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì một danh sách của tất cả công nhân chính thức b. Cung cấp các bằng chứng thể hiện bảo hiểm y tế cho tất cả các công nhân chính thức.	C		NC6	Hợp đồng lao động cho tất cả nhân viên. Có 10 công nhân viên chính thức nhận được bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội bởi người sử dụng lao động. Tuy nhiên không có bằng chứng cung cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho 06 nhân viên ký hợp đồng lao động trên 3 tháng.
Ghi chú	[71] Bảo hiểm y tế là bắt buộc cho những người làm công được thuê trên 3 tháng/năm. Nếu bảo hiểm y tế không được quốc gia chi trả người thuê lao động phải cung cấp Bảo hiểm thanh toán 100% chi phí của bất cứ tai nạn/tổn thương do công việc gây ra cho các lao động thường xuyên. Không bao gồm chi phí liên quan đến tàn tật vĩnh viễn do tai nạn liên quan đến công việc.					
7.5 Tiêu chuẩn : Tự do đoàn thể và thương lượng tập thể						

		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
Ghi chú	[72] Thỏa ước: thương lượng tự nguyện giữa người sử dụng lao động và tổ chức của các công nhân theo trình tự thiết lập các điều khoản và điều kiện lao động bằng bản viết sự đồng ý tập thể.					
7.5.1	<p>Cụ thể: Người làm công [73] có quyền lập hoặc tham gia các tổ chức để bảo vệ quyền của họ (bao gồm quyền thương lượng tập thể) mà không bị cản trở từ người thuê lao động và không phải gánh chịu các hậu quả tiêu cực do thực thi các quyền này [74].</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Hợp đồng lao động liệt kê rõ quyền tự do lập hội	C			Trang trại có thỏa ước lao động tập thể được ban hành và duyệt bởi phòng lao động địa phương 07/05/2013 ông. Nguyễn Văn Út là đại diện công nhân tại trang trại. Hợp đồng lao động được lưu giữ tại trang trại.
		b. Người làm công được tự do thành lập và tham gia bất cứ tổ chức công đoàn nào, tự do mà không bị cản trở bởi chủ thuê lao động or hoặc bởi các tổ chức cạnh tranh thành lập bởi hoặc hỗ trợ cho chủ thuê lao động. Cụ thể ILO cấm "các hoạt động được trừ tính để đẩy mạnh việc thành lập các tổ chức công đoàn dưới sự kiểm soát của người thuê lao động hoặc ác tổ chức của người thuê lao động"	C			Phòng vấn công nhân họ nhận thức tốt về quyền này.
		c. Nếu công đoàn tồn tại, họ có thể tiếp cận/thông báo trực tiếp cho tất cả công nhân (áp phích, tờ rơi, thăm hỏi).	C			Có 3 nhân viên gia nhập công đoàn công ty và họ có quyền tham gia họp công đoàn 3 tháng 1 lần
		d. Đại diện của công đoàn được tiếp xúc với các thành viên tại nơi làm việc ở các thời điểm hợp lý ở nơi làm việc	C			Phòng vấn công nhân họ nhận thức tốt về quyền này.
		e. Có thông tin công khai từ người thuê lao động về cam kết của họ đối với quyền tự do lập hội và các quyền thương thuyết tập thể	C			Trang trại có thỏa ước lao động tập thể được ban hành và duyệt bởi phòng lao động địa phương 07/05/2013 ông. Nguyễn Văn Út là đại diện công nhân tại trang trại.
Ghi chú	[73] Người làm công/công nhân: là người thỏa thuận làm việc cho một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian bất kỳ và đổi lại họ sẽ nhận thù lao bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật. Các thành viên gia đình trực hệ của chủ trang trại (ví dụ, con, vợ, bố mẹ, anh em trai, chị em gái) và lao động diện trao đổi có thể không được xem là người làm công trừ khi họ bày tỏ mong muốn trở thành người làm công.					
Ghi chú	[74] Người làm công không bị ngăn cấm tiếp cận với các tổ chức như vậy khi các tổ chức đó tồn tại. Nếu các tổ chức đó không tồn tại hoặc tồn tại không hợp pháp, các công ty phải làm rõ rằng họ sẵn sàng tổ chức đối thoại tập thể thông qua cấu trúc đại diện được bầu cử tự do bởi người làm công.					
7.6 Tiêu chuẩn: Phân biệt, kỳ thị						
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
	Cụ thể: Người làm công không bị thiệt hại từ bất kỳ sự kỳ thị nào [75] từ người thuê lao động hoặc các	a. Có các chính sách chống kỳ thị bằng văn bản, tuyên bố công ty không tham gia/không ủng hộ sự kỳ thị về thuê mướn, trả thù lao, tiếp cận giáo dục đào tạo, thăng tiến, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu trên cơ sở nòi giống, giai tầng, nguồn gốc quốc gia, tôn giáo, khuyết tật, giới, thành viên công đoàn, liên minh chính trị, tuổi tác hoặc bất kỳ điều kiện khác có thể gây nên kỳ thị.	C			Đã ban hành chính sách chống phân biệt đối xử đã treo chính sách này trong trang trại. (ban hành 15/May/2012) (TTASC-CSCPBDX) Phòng vấn CN cho thấy hiểu về chính sách này.

7.6.1	công nhân khác. Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	b. Duy trì các hồ sơ thay đổi lương, vị trí nhân viên và cơ hội huấn luyện. Cho lần đánh giá đầu tiên, trang trại phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Tất cả hồ sơ lương đều được lưu tại trang trại. Không thấy dấu hiệu vi phạm
		c. Cung cấp và bảo đảm thực hiện các chính sách bảo vệ phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ	C			Tại thời điểm đánh giá, Không có phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ tuy. Có chính sách cho phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ/ Lao động trẻ/ Lao động lớn tuổi. (ban hành 15/May/2012) (TT-ASC-CCCPN)
Ghi chú	75] Bao gồm nhưng không hạn chế với: nòi giống, giai tầng, nguồn gốc, màu gia, giới tính, sự khuyết tật, tôn giáo, định hướng giới, dân ngụ cư hoặc di cư, liên minh công đoàn và chính trị					
7.7 Tiêu chuẩn : Đối xử công bằng và tiến bộ đối với công nhân (bao gồm cả các thực hành quản lý)						
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.7.1	Cụ thể: Người thuê lao động đối xử tốt và tôn trọng tất cả người làm công. Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Bảo đảm rằng tất cả các nhân viên đều được đối xử như nhau với sự tôn trọng và đối xử tốt (ví dụ, không bị lạm dụng về thể chất)	C			Phỏng vấn công nhân không thấy dấu hiệu vi phạm
		b. Bảo đảm rằng không trừ lương cho các hành động xử phạt (ví dụ như làm hư thiết bị)	C			Phỏng vấn công nhân và không thấy dấu hiệu vi phạm
7.8 Tiêu chuẩn: Giờ làm việc						
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.8.1	Cụ thể: Số giờ lao động thường xuyên tối đa Yêu cầu: 8h/ngày hay 48h/tuần (mặc dù không nhất thiết phải là giờ liên tục) Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công. Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.			NC7	Kiểm tra bảng chấm công từ tháng 11/2012 đến tháng Apr/2013. Bảng này ghi rõ các ngày nghỉ phép và nghỉ bù chủ nhật theo luật. Tuy nhiên chưa có bằng chứng kiểm soát và giám sát các ngày nghỉ phép của công nhân để chỉ ra rằng công nhân có 12 ngày nghỉ phép trong năm.
		b. Đảm bảo giờ làm qui định của các người làm công không vượt quá 8h/ngày hay 48h/tuần	C			Phỏng vấn công nhân và không thấy dấu hiệu vi phạm
7.8.2	Cụ thể: Người làm công có quyền rời trang trại sau khi kết thúc một ngày làm việc theo tiêu chuẩn Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại	a. Bảo đảm các người làm công có thể rời trang trại trong thời gian nghỉ của họ (ví dụ: bất kì khi nào họ không làm việc)	C			Kiểm tra phỏng vấn công nhân, không phát hiện dấu hiệu vi phạm.
		b. Duy trì bảng sao của hợp đồng lao động và hợp đồng lao động xác nhận rõ ràng quyền của người làm công được rời trang trại	C			Hợp đồng lao động thể hiện rõ qui định và định nghĩa.
	Cụ thể: Thời gian nghỉ tối thiểu	a. Đảm bảo tất cả người làm công cư trú tại trang trại có quyền được nghỉ 2 đêm / tuần	C			Kiểm tra phỏng vấn công nhân, không phát hiện dấu hiệu vi phạm.

7.8.3	<p>Yêu cầu: Hai đêm nghỉ/một tuần nếu ở trong trang trại và tổng cộng 4 ngày nghỉ/tháng cho tất cả công nhân</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	b. Đảm bảo tất cả người làm công có 4 ngày nghỉ trên tháng.	C			Trên bảng chấm công, rõ 4 ngày nghỉ cho mỗi công nhân (từ tháng 05/2012 đến tháng 06/2013) Phòng vấn công nhân không có khiếu nại.
		c. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công như trong 7.8.1a). Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Có sẵn các hồ sơ chấm công của sáu tháng.
7.8.4	<p>Cụ thể: Thời gian làm thêm</p> <p>1- Là tự nguyện</p> <p>2- Không vượt quá con số tối đa 12 giờ/tuần</p> <p>3- Xuất hiện trên cơ sở đột xuất (không phải thường xuyên)</p> <p>4- Được trả theo mức ưu đãi [76], (ví dụ cao hơn 20% so với mức lương bình thường)</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	a. Đảm bảo rằng tất cả người làm công, thời gian làm thêm: 1- Là tự nguyện 2- Không vượt quá con số tối đa 12 giờ/tuần 3- Xuất hiện trên cơ sở đột xuất (không phải thường xuyên) 4- Được trả theo mức ưu đãi [76], (Theo qui định của địa phương/quốc gia và ít nhất cao hơn hơn 20% so với mức lương bình thường)			NCS	1) Trang trại không có bằng chứng trả gấp 3 lương cho ngày nghỉ quốc gia. 2) Tất cả các chi trả thể hiện rõ trên hồ sơ lương. Phòng vấn công nhân hiểu biết cách tính lương.
		b. Duy trì bảng chấm công giờ làm cho tất cả người làm công như trong 7.8.1a). Cho lần đầu tiên đánh giá hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Có sẵn các hồ sơ chấm công của sáu tháng.
		c. Duy trì bản sao hợp đồng lao động của các người làm công và đảm bảo rằng các hợp đồng lao động này chỉ ra điều kiện làm thêm và quyền tự do hội hợp.	C			Hợp đồng lao động thể hiện rõ qui định và định nghĩa.
		d. Duy trì các hồ sơ trả lương làm thêm cho giờ làm thêm.	C			Bảng lương lưu đầy đủ từ tháng 05/2012 đến tháng 04/2013.
Ghi chú	[76] Mức ưu đãi: là mức chi trả cao hơn mức chi trả thông thường. Phải tuân theo các luật lệ/quy định của quốc gia hoặc các tiêu chuẩn của ngành. Phải là 120% của mức thông thường hoặc cao hơn.					
7.9 Tiêu chuẩn: Mức lương công bằng và bền vững						
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.9.1	<p>Cụ thể: Người thuê lao động chi trả ít nhất là mức lương tối thiểu theo định nghĩa của luật hoặc đảm bảo mức lương đủ trang trải các nhu cầu căn bản [77], cộng với một phần thu nhập phụ trội [78], tùy theo mức nào cao hơn.</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, trong phạm vi trang trại</p>	a. Văn bản pháp luật cho biết mức lương tối thiểu cho khu vực nơi trang trại hoạt động.	C			Lương tối thiểu của vùng là 1.650.000 VND (Phòng lao động địa phương thông báo Nghị định No. 103/2012/ND-CP). Tại thời điểm đánh giá, công ty đã ký hợp đồng lao động với lương thấp nhất là 2.100.000 VND lương tháng và thêm tiền ăn 700.000 VND cho các bữa ăn.
		b. Nếu mức lương tối thiểu không được xác định bằng luật, người làm công cần đánh giá nhu cầu căn bản có sự tham khảo người làm công và các tổ chức đại diện cho họ, và đánh giá chi phí sinh hoạt từ các nguồn đáng tin cậy. Quá trình này cần được văn bản hóa và đảm bảo rằng tất cả các người làm công có thể truy cập khi có thể.				Tại thời điểm này khoảng 1.871.000 VND cho vùng này phù hợp với bảng tính nhu cầu cơ bản của BV. Nhưng thực tế, Trang trại đã ký hợp đồng lao động là 2.100.000 VND/ tháng thêm 700.000 VND tháng cho bữa ăn.
		c. Duy trì bản sao của hợp đồng lao động của người làm công và đảm bảo rằng người làm công nhận được mức lương tối thiểu.	C			Nhưng thực tế, Trang trại đã ký hợp đồng lao động là 2.100.000 VND/ tháng thêm 700.000 VND tháng cho bữa ăn. Lương sẽ được trả vào ngày 5 và 10 mỗi tháng.

		d. Duy trì các hồ sơ trả lương. Cho lần đánh giá đầu tiên hồ sơ phải bao quát ≥ 6 tháng.	C			Hồ sơ lương được lưu đầy đủ từ tháng 05/2012 đến tháng 06/13. Phòng vấn công nhân, phản hồi tất cả tiền lương trả đúng ngày và bằng tiền mặt.
Ghi chú	[77] Nhu cầu cần bản được xác định bằng cách tính toán chi phí của một rổ mua sắm cơ bản cho 1 khẩu phần ăn đủ chất, phần trăm ngân sách của một hộ trung bình dành cho chi tiêu thực phẩm và các chi tiêu thiết yếu khác, và cho một hộ có kích cỡ trung bình trong một quốc gia đã xác định. Các điều tra rổ mua sắm đại diện được công nhận bao gồm các điều tra do các cơ quan thẩm quyền quốc gia hoặc các tổ chức phát triển đa phương thực hiện. Mức lương cơ bản hoặc mức lương sinh sống phải có khả năng nuôi dưỡng 50% nhu cầu của một hộ gia đình có kích cỡ trung bình với thực phẩm, nước sạch, quần áo, nhà ở, đi lại, đi học, chi trả thuế theo nghĩa vụ, chăm sóc y tế và một nguồn thu nhập phụ trội khoảng 10% (SA8000). Người thuê lao động chỉ mức tối thiểu cho một người làm công trọn thời gian bằng mức lương cơ bản (mà không chiết khấu tài chính) hoặc chi theo mức tối thiểu theo quy định pháp luật của quốc gia, tùy theo mức nào cao hơn. Mức lương cơ bản/mức lương sinh sống đề cập tới "chi trả					
Ghi chú	[78] Về hướng dẫn và phương pháp tính mức lương cần thiết căn bản, xem tài liệu hướng dẫn SA8000					
7.9.2	Cụ thể: Người làm công có quyền biết cơ chế tính lương và lợi ích. Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp bảng công bố công thức được dùng để tính xây dựng bảng lương. b. Đảm bảo tất cả các người làm công đều hiểu phương pháp tính lương.	C			Thang bảng lương đăng ký và duyệt ngày 07/05/2013 bởi phòng lao động địa phương. Nội dung hợp đồng lao động thể hiện rõ mức lương và các phúc lợi xã hội. Phòng vấn công nhân, tất cả công nhân đều hiểu cách tính lương và đã ghi NC tại 7.8.4
7.9.3	Cụ thể: Lương được trả bằng tiền mặt hoặc theo phương thức tiện lợi nhất cho người làm Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì các hồ sơ trả lương cho mỗi người làm công bằng phương pháp thuận tiện. b. Duy trì các hồ sơ trả lương chỉ rõ phương pháp trả lương.	C			Hồ sơ lương được lưu đầy đủ từ tháng 05/2012 đến tháng 06/13. Hồ sơ lương được lưu đầy đủ từ tháng 05/2012 đến tháng 06/13. Phòng vấn công nhân, phản hồi họ nhận lương đúng hạn và bằng tiền mặt
7.10 Tiêu chuẩn: Hợp đồng lao động						
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):						
7.10.1	Cụ thể: Người làm công/công nhân có bản sao và hiểu hợp đồng lao động của họ [79] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Đảm bảo tất cả nhân viên đều có bản sao hợp đồng lao động. b. Đảm bảo tất cả các nhân viên đều hiểu nội dung hợp đồng lao động của họ.	C			Phòng vấn công nhân, tất cả người phản hồi nhận được hợp đồng lao động của họ sau khi ký hợp đồng với trường trại. Phòng vấn công nhân đều hiểu về nội dung hợp đồng lao động.

Ghi chú	[79] Khi hợp đồng bằng miệng được áp dụng (ví dụ ở các vùng nông thôn xã xôi, các trường hợp công nhân mù chữ và trang trại gia đình quy mô nhỏ), cần quan tâm thêm để đảm bảo nội dung của bản thỏa thuận được hiểu kỹ và hoàn toàn đồng ý. Phòng vấn chéo để xác quyết rằng người thuê nhân công và người làm công cùng hiểu giống nhau về các điều khoản thỏa thuận bằng miệng.						
7.10.2	<p>Cụ thể: Thời gian thử việc tối đa được xác lập trong hợp đồng của lao động thông thường, khác lao động quản lý trang trại và lao động có bằng đại học</p> <p>Yêu cầu: 1 tháng</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu bản sao hợp đồng lao động (khác hơn là quản lý trang trại và các công nhân với bằng cấp đại học) và đảm bảo rằng thời gian thử việc được chỉ rõ và không vượt quá 1 tháng.</p> <p>b. Đảm bảo rằng thời gian thử việc đều được các công nhân hiểu rõ và tôn trọng.</p>	C				<p>Lưu 1 bản photo hợp đồng lao động tại trang trại</p> <p>Lưu 1 bản photo hợp đồng lao động tại trang trại Phòng vấn công nhân đều hiểu nội dung hợp đồng lao động của họ.</p>
7.10.3	<p>Cụ thể: Thời gian thử việc tối đa được xác lập trong hợp đồng cho lao động quản lý trang trại và lao động có bằng đại học</p> <p>Yêu cầu: 2 tháng</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu bản sao hợp đồng lao động (khác hơn là quản lý trang trại và các công nhân với bằng cấp đại học) và đảm bảo rằng thời gian thử việc được chỉ rõ và không vượt quá 2 tháng.</p> <p>b. Đảm bảo rằng thời gian thử việc đều được các công nhân hiểu rõ và tôn trọng.</p>	C				<p>Lưu 1 bản photo hợp đồng lao động tại trang trại Phòng vấn công nhân đều hiểu nội dung hợp đồng lao động của họ.</p> <p>Tương tự nội dung ở trên.</p>
7.11 Tiêu chuẩn: Hệ thống quản lý							
Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):							
7.11.1	<p>Cụ thể: Chủ thuê lao động đảm bảo tất cả các lao động có kênh phù hợp để giao tiếp riêng tư với lao động khác về các vấn đề liên quan đến quyền lao động và điều kiện</p> <p>Yêu cầu: có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Thùng thư khiếu nại sẵn có trong trang trại</p> <p>b. Đảm bảo rằng các công nhân đều hiểu cách sử dụng thùng thư khiếu nại và điều này được ủng hộ bởi quản lý trang trại của họ.</p>	C				<p>Có 1 thùng thư góp ý tại mỗi trang trại (tại Can tin) Và duy trì hồ sơ mở thùng thư góp ý hàng tháng theo yêu cầu của thủ tục "Giải Quyết Khiếu Nại" TT-ASC-TTGQKN ban hành 15/May/2012</p> <p>Phòng vấn công nhân tất cả đều hiểu qui trình khiếu nại.</p>
7.11.2	<p>Cụ thể: Phần trăm số vấn đề người lao động nêu lên được chủ thuê lao động ghi sổ, theo dõi và phản hồi.</p> <p>Yêu cầu: 100%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi nhận các vấn đề được người lao động nêu lên (bao gồm cả hình thức khiếu nại), ngày tháng được chủ thuê lao động phản hồi. Ghi lại nội dung của tất cả các bản ghi trong 6 tháng trước</p> <p>b. Đảm bảo các nhân viên có quyền tiếp cận đến người ghi nhận khi có thể.</p>	C				<p>Phòng vấn công nhân họ xác nhận không có khiếu nại qua thùng thư góp ý. Hợp trang trại hàng tháng với tất cả công nhân tham dự (nội dung hợp liên quan đến sức khỏe, an toàn, quản lý trang trại và các vấn đề công nhân)</p> <p>Phòng vấn công nhân đều hiểu về điều này.</p>
7.11.3	<p>Cụ thể: Phần trăm số khiếu nại được giải quyết [80] trong vòng 1 tháng sau khi nhận được [81]</p> <p>Yêu cầu: 90%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi nhận các vấn đề được người lao động nêu lên và được giải quyết. Bảng chứng có thể bao gồm thư khiếu nại được ký của người công nhân hay đại diện của họ.</p> <p>b. Ghi nhận các vấn đề được giải quyết đã được tiếp nhận trong mục 7.11.2a</p> <p>c. Duy trì bảng tóm tắt hàng tháng và cách tính toán phần trăm các vấn đề được giải quyết trên tháng.</p>	C				<p>Từ tháng 6 đến nay, không có khiếu nại qua thùng thư góp ý. Tất cả các công nhân đều tham gia họp hàng tháng và thảo luận về các vấn đề của họ trong công việc. Tất cả các vấn đề đều được giải quyết thông qua kết quả cuộc họp.</p> <p>Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư.</p> <p>Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư.</p>

Ghi chú	[80] Giải quyết xung đột được định nghĩa là khi cả hai bên đồng ý xóa bỏ xung đột khỏi danh sách các vấn đề đang tranh chấp						
Ghi chú	[81] Khiếu nại bao gồm các hình thức đến từ người sử dụng tài nguyên khác, người làm công và người mua sản phẩm (ví dụ, thương lái hoặc nhà chế biến)						
7.11.4	Cụ thể: Kế hoạch quan tâm giải quyết xung đột được xây dựng và được tuân thủ Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Ghi nhận các vấn đề đưa ra bởi công nhân (như mục 7.11.2a) và bao gồm kế hoạch cho việc giải quyết các xung đột. b. Đảm bảo kế hoạch được tôn trọng giải quyết triệt để.	C				Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư. Đến bây giờ, Chưa có khiếu nại qua thùng thư.
7.11.5	Cụ thể: Khung thời gian ký kết hợp đồng [82] với nhà cung cấp và nhà dịch vụ đảm bảo điều kiện an toàn lao động và an toàn sức khỏe phù hợp cho người lao động [83]. Yêu cầu: Trong vòng 1 năm kể từ ngày nhận được chứng nhận. Áp dụng: Tất cả	a. Cho lần đánh giá đầu tiên, chuẩn bị công bố cam kết chỉ hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ và nhà thầu phụ đảm bảo điều kiện phù hợp sức khỏe và an toàn trong 1 năm. b. Cho các lần đánh giá định kỳ, đảm bảo rằng tất cả các điều kiện an toàn và sức khỏe đã được yêu cầu (ví dụ tiêu chuẩn 7.1, 7.2 và 7.4) đều được tôn trọng bởi tất cả các nhân viên nhà thầu phụ làm việc tại trang trại.	C				Các nhà thầu phụ và cung cấp đã ký cam kết và hướng dẫn an toàn sức khỏe cho nhà thầu phụ tại trang trại. (Hút Bùn & Bắt Cá0). Có hợp đồng thể hiện kiểm soát an toàn nhà thầu phụ Tương tự nội dung ở trên.
Ghi chú	[82] Bao gồm hợp đồng bằng văn bản hoặc hợp đồng bằng miệng						
Ghi chú	[83] Như đã định nghĩa trong các tiêu chuẩn này						
7.12 tiêu chuẩn: Lưu giữ dữ liệu-bản ghi							
			Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.12.1	Cụ thể: Chuẩn bị sẵn các bản ghi số giờ làm việc của mỗi lao động được thuê làm cho trang trại. Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả, phạm vi trong trang trại	a. Duy trì bảng chấm công của tất cả các nhân viên. Cho lần đầu tiên đánh giá, hồ sơ của trang trại phải bao quát ≥ 6 tháng. b. Danh sách tất cả người làm công	C				Tất cả các hồ sơ lưu phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn. Đầy đủ hồ sơ và có cả danh sách nhân viên mới. Trong năm nay không có sa thải nhân viên và nhân viên nghỉ việc.
7.13 Tiêu chuẩn: Đánh giá tác động xã hội có sự tham gia của cộng đồng địa phương							
			Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.13.1	Cụ thể: Đánh giá tác động xã hội có sự tham gia (p-SIA) [84] được triển khai (xem phụ lục F để có thông tin thêm) Yêu cầu: có	a. Cung cấp p-SIA bao gồm tất cả các mục báo cáo trong phụ lục F. Cho qui mô các trang trại (ví dụ: theo chiều hướng các tích hợp các hoạt động) p-SIA phải xác nhận của các chuyên gia. Một p-SIA mới nên được thực hiện ít nhất 3 năm 1 lần.	C				Đã được duyệt bởi chính quyền địa phương và dân địa phương. Báo cáo này được thực hiện bởi AQUAFISH "CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ AQUAFISH". (Ban hành Feb - Mar/2013)

	Áp dụng: Tất cả	b. Cho qui mô các trang trại, cung cấp bằng chứng kinh nghiệm của các chuyên gia xác nhận. Bảng chứng phải chỉ ra được các hồ sơ của ít nhất 3 năm thực hiện tham gia tư vấn với cộng đồng địa phương.	C				Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
Ghi chú	[84] p-SIA: Là đánh giá các ảnh hưởng tiêu cực và tích cực và đánh giá rủi ro của dự án đã lập kế hoạch hoặc đang được triển khai (ví dụ trang trại hoặc phát triển trang trại) được thực hiện theo phương thức mà tất cả các nhóm bên liên quan đều đóng góp vào quá trình, kết quả và sản phẩm của đánh giá đó, và các bước thực hiện cũng như thông tin được thu thập là mở cho tất cả mọi người.						
7.13.2	Cụ thể: Các cộng đồng địa phương [85], chính quyền địa phương và ít nhất là 1 tổ chức phi chính phủ được cộng đồng lựa chọn có 1 bản sao về đánh giá p-SIA bằng ngôn ngữ địa phương phù hợp. Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì các hồ sơ của tất cả các người dân nhận bản sao p-SIA	C				Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
		b. Ghi nhận chữ ký ít nhất 50% của các người dân nhận p-SIA. Chữ ký phải bao gồm ít nhất: Một đại diện địa phương (nếu người đại diện có thể xác nhận bởi phần lớn cộng đồng địa phương), Một đại diện của chính quyền địa phương và một tổ chức xã hội dân sự (nếu có).	C				Nội dung p-SIA chỉ rõ các điều này.
Ghi chú	[85] Cộng đồng: Một nhóm người với những đặc điểm đa dạng khác nhau được liên kết với nhau bằng các mối ràng buộc xã hội, chia sẻ những quan điểm chung, và cùng tham gia vào những hoạt động tập thể trong một vùng địa lý được giới hạn. Có bốn tiêu chí thông thường là 1.) trạng thái của xã hội có tổ chức dưới một hình thức nhỏ (thị trấn, làng, ấp) thừa nhận một đại diện (lãnh đạo, chính thống hoặc không chính thống); 2.) các cá nhân trong cộng đồng nằm trong một vùng địa lý được giới hạn; đủ nhỏ để cho phép tương tác trực diện như là phương thức tiếp xúc chính giữa các cá nhân trong nhóm; 3.) có một quan tâm chung hoặc ý chí chung và công nhận; và được công nhận là có cái chung đó; và 4.) cảm nhận về đặc tính chung và nhận dạng chung (ví dụ, cảm nhận của "chúng ta" đối với cảm nhận của "họ") về nền tảng						
7.14 Tiêu chuẩn: Khiếu nại của cộng đồng địa phương							
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):					
7.14.1	Cụ thể: Phát triển và áp dụng chính sách giải quyết xung đột có thể xác minh được [86],[87] cho các cộng đồng địa phương Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Chính sách giải quyết xung đột cho cộng đồng địa phương được chuẩn bị sẵn	C				Phụ lục của p-SIA
		b. Duy trì hồ sơ của tất cả các người dân nhận bản sao của chính sách.	C				Phụ lục của p-SIA
		c. Phải có ít nhất 50% chữ ký nhận bản sao chính sách. Chữ ký người dân phải bao gồm ít nhất như sau: Một đại diện địa phương (nếu người đại	C				Phụ lục của p-SIA
		d. Duy trì hồ sơ hợp (ít nhất 2 lần 1 năm) với cộng đồng địa phương nhận dạng và giải quyết các vấn đề xung đột. Hồ sơ phải bao gồm danh sách các người tham dự, nội dung và kế hoạch các hành động đã được đồng ý và bản tóm tắt. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải có ít nhất 1 cuộc họp	C				Phụ lục của p-SIA
Ghi chú	[86] Chính sách sẽ nêu rõ các khiếu nại và xung đột được theo dõi một cách công khai và giải thích cơ chế phản hồi đối với tất cả các khiếu nại nhận được.						
Ghi chú	[87] Quá trình giải quyết được từ nội dung và kết quả các cuộc họp cùng được tóm tắt. Tóm tắt cuộc họp bao gồm chương trình (danh sách các mối quan tâm), giải pháp hoặc thỏa thuận đã đạt được, ai sẽ thực hiện hành động gì và khi nào, và danh sách đại biểu tham dự. Chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức dân sự hoặc tổ chức cộng đồng do cộng đồng lựa chọn được tiếp cận với quá trình giải quyết xung đột và các tài liệu sau đó. Xung đột sẽ được giải quyết nếu như trong quá trình thương lượng cả hai bên đồng ý.						

7.14.2	Cụ thể: Hộp thư khiếu nại, ghi nhận khiếu nại, và biên lai ghi nhận khiếu nại bằng tiếng địa phương được sử dụng Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Hộp thư khiếu nại đặt ở nơi công cộng cộng đồng địa phương có thể tiếp cận được	C			Tại trang trại có thùng thư đặt trong vùng dân cư. Phòng vấn dân địa phương, không có khiếu nại nào.
		b. Lưu các mẫu khiếu nại của cộng đồng địa phương. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải có ít nhất trong 6 tháng qua.	C			Không có dấu hiệu vi phạm và không có khiếu nại của người dân xung quanh qua phỏng vấn.
		c. Cung cấp bằng chứng các khiếu nại đã được xác nhận với cộng đồng địa phương (ví dụ thông qua các bảng kê các khiếu nại từ cộng đồng địa phương xác nhận ngày nhận hay ngày trả)	C			Phòng vấn người dân địa phương đều nhận ý kiến tốt.
		d. Ghi nhận khiếu nại. Ghi nhận nội dung tất cả thông tin ngày nhận, khiếu nại và các hành động phản hồi trong 6 tháng qua cho lần đánh giá đầu tiên.	C			Đến bây giờ, không có khiếu nại qua thùng thư và có 1 cuốn sổ để theo dõi khiếu nại của dân địa phương qua thùng thư.
7.14.3	Cụ thể: Phần trăm xung đột được giải quyết trong khoảng thời gian được lưu file. Yêu cầu: Trong vòng 6 tháng 50% Trong vòng 1 năm 75% Trong vòng 2 năm 100% Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì ghi nhận khiếu nại như 7.14.2d, nhận dạng rõ loại khiếu nại gì đã được giải quyết và ngày giải quyết.	C			Tham khảo "Giai Quyet Khieu Nai" TT-ASC-TTGQKN ban hành ngày 15/May/2012.
		b. Duy trì các biên bản họp của các cuộc họp với cộng đồng địa phương như 7.14.1d thể hiện thảo luận các vấn đề và giải quyết vấn đề.	C			Phụ lục p-SIA và đến bây giờ không có khiếu nại nào từ dân địa phương.
7.15 Tiêu chuẩn: Giải quyết việc làm ưu tiên cho cộng đồng địa phương						
		Sự phù hợp với tiêu chuẩn (Yêu cầu các hành động của khách hàng):				
7.15.1	Cụ thể: Bảng chứng cho thấy các vị trí được quảng cáo trong cộng đồng địa phương trước khi thuê lao động di cư từ bên ngoài Yêu cầu: có Áp dụng: Tất cả	a. Duy trì danh sách tất cả các người làm công trong trang trại chỉ ra được nguyên quán	C			Trang trại có tất cả 4/16 công nhân là dân địa phương.
		b. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) thể hiện trong bản sao của các quảng cáo tuyển dụng xung quanh trang trại. Cho lần đánh giá đầu tiên, hồ sơ phải bao quát hơn 6 tháng trước.	C			Phòng vấn dân địa phương đều cho ý kiến tốt về vấn đề tuyển dụng tại địa phương.
		c. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) thể hiện danh sách bao gồm tên, địa chỉ và số liên hệ của tất cả người dân đã phỏng vấn các vị trí cần tuyển trong cộng đồng địa phương. Cho lần đánh giá đầu tiên các hồ sơ phải bao quát hơn 6 tháng trước.	C			Có thông báo tuyển dụng.
7.15.2	Cụ thể: Giải thích lý do vì sao tuyển người làm công và giải thích biện minh vì sao không tuyển lao động từ cộng đồng địa phương Yêu cầu: Có, nếu lao động từ ngoài cộng đồng địa phương được tuyển dụng	a. Duy trì danh sách tất cả các người làm công trong trang trại chỉ ra được nguyên quán như 7.15.1a	C			Có sẵn danh sách các công nhân.
		b. Cho các trang trại nơi mà công nhân đến từ các vùng khác (dựa trên 7.15.1a) cung cấp văn bản giải thích tại sao tuyển dụng công nhân bên ngoài cộng đồng địa phương.	C			Hầu hết công nhân đã làm việc lâu năm tại trang trại và 04 lao động là dân địa phương.



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM			Điểm không phù hợp số: 01
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 1.1.2 a	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN/ ĐO THÀNH MUỐN.		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐANG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Công ty chưa có bằng chứng đóng tiền thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2012, theo thông báo nộp thuế của chi cục thuế Tân Hồng ngày 18/09/2012.			
Hạn cuối khắc phục	Ngày 06/08/2014		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CAO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty: Ông ĐANG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.		
Phân tích nguyên nhân			
Do công tác triển khai trích nguồn quỹ Công ty để đóng thuế còn chậm, chưa quan tâm nhiều đến việc đóng thuế. Do đó dẫn đến việc còn nợ tiền thuế, trong khi đó đã có thông báo nộp thuế từ trước			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sự khắc phục: Bộ phận kế toán của Công ty lấy thông báo nộp thuế ngày 18/09/2012 và liên hệ với Chi cục thuế Tân Hồng để lấy tiền đóng thuế dựa vào thông báo. Sau khi đóng thuế thì yêu cầu Chi cục thuế xuất biên lai đóng thuế và về lưu lại tại Công ty			
* Hành động ngăn ngừa: Công ty phân công Bộ phận kế toán theo dõi việc đóng thuế thường xuyên. Khi có thông báo nộp thuế, ít nhất sau 03 ngày Công ty phải tiến hành nộp thuế			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT :			
Đã kiểm tra biên nhận đóng tiền thuế của công ty tại chi cục thuế Huyện Tân Hồng.			
Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY	KÝ TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013	
ĐÓNG	CÓ		



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM		Điểm không phù hợp số: 02	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.3.3 c	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN/ ĐO THÀNH MUỐN.		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐANG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Đánh giá viên quan sát chuyên gia kỹ thuật vùng nuôi hiệu chuẩn thiết bị và đo DO, kết quả máy đo bị sự cố không hiển thị, sau đó nhân viên kỹ thuật sửa chữa được và tiến hành đo, kết quả đạt > 3mg/l.			
Hạn cuối khắc phục	Ngày 06/08/2014		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty: Ông ĐANG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.		
Phân tích nguyên nhân			
Do việc vệ sinh và bảo trì thiết bị đo DO không được thực hiện tốt thường xuyên và việc bảo quản thiết bị không tốt (có thể làm rơi rớt) dẫn đến kết quả không chính xác trong quá trình đo mẫu nước			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sự khắc phục: Kỹ thuật vùng nuôi phải xem xét vệ sinh và bảo trì thiết bị đo DO hàng tuần trước và sau mỗi lần đo, tránh để máy bị rơi rớt và va đập mạnh, có thể làm hư máy và kết quả đo không chính xác			
* Hành động ngăn ngừa: Kỹ thuật vùng nuôi phải xem xét vệ sinh và bảo trì thiết bị đo DO hàng tuần trước và sau mỗi lần đo, tránh để máy bị rơi rớt và va đập mạnh, có thể làm hư máy và kết quả đo không chính xác. Máy phải được bỏ vào hộp và cất trong tủ có khóa cẩn thận			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT :			
Đã kiểm tra biên bản họp của trại nhắc nhở các nhân viên thực hiện vấn đề này.			
Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY	KY TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013	
ĐÓNG		CÓ	



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM		Điểm không phù hợp số: 03	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 3.4.1 b	TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VĂN THUẬN/ ĐỖ THÀNH MUỐN.		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐẶNG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Công ty cần có hồ sơ ghi nhận số liệu thô dùng để tính toán lượng bùn thải khi bơm bùn.			
Hạn cuối khắc phục	Ngày 06/08/2014		
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:	Đại diện công ty: Ông ĐẶNG THÀNH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.		
Phân tích nguyên nhân			
Do việc giám sát bơm bùn chưa được thực hiện tốt, trong quá trình bơm bùn lớp bùn đáy ao được đo và tính lượng bùn chưa chính xác trong mỗi lần bơm, do đó việc ghi nhận số liệu bùn thô cũng chưa được chính xác			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sự khắc phục: Lập phiếu theo dõi bơm bùn có ghi rõ diện tích ao, độ sâu lớp bùn, tính được tổng khối lượng bùn ở mỗi lần bơm. Đảm bảo nơi chứa bùn đủ kích thước bơm bùn			
* Hành động ngăn ngừa: Mỗi lần bơm bùn công nhân phải ghi nhận rõ ghi rõ diện tích ao, độ sâu lớp bùn, tính được tổng khối lượng bùn ở mỗi lần bơm. Trưởng trại giám sát bơm bùn, theo dõi tính tổng tất cả lượng thô sau mỗi lần bơm bùn đáy ao			
KẾT THÚC BÁO CÁO(Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN	CÓ		
NHẬN XÉT:			
Đã kiểm tra hồ sơ " phiếu ghi nhận bơm bùn đáy ao" đã thiết lập và thực hiện ok.			
Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY	KY TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013	
ĐỒNG	CÓ		



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM		Điểm không phù hợp số: 04	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 6.2.1 a	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013		ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN/ ĐO THANH MUON.	
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Có danh mục thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng tại Vùng nuôi, phù hợp khi so sánh với danh mục thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học được phê duyệt cho sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam (có sản tại Vùng nuôi) tuy nhiên trong danh mục không có tên kháng sinh Vim Fenfish để trị bệnh gan thận mũ như đề cập trong kế hoạch chăm sóc sức khỏe cá.			
Hạn cuối khắc phục		Ngày 06/08/2014	
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:		Đại diện công ty: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.	
Phân tích nguyên nhân			
Do việc sử dụng thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học tại trang trại chưa được giám sát chặt chẽ, nên việc sử dụng 1 loại thuốc mà chưa được cập nhật vào danh mục là việc có thể xảy ra.			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sự khắc phục: Xem xét và cập nhật lại danh mục thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học đang sử dụng tại trang trại, cập nhật tất cả các loại thuốc đang sử dụng vào danh mục và kháng sinh Vime Fenfish đang sử dụng để điều trị gan thận mũ			
* Hành động ngăn ngừa: Trang trại chỉ cho sử dụng thuốc có trong danh mục được lập. Trước khi sử dụng 1 loại thuốc nào phải xem trong danh mục có mới được sử dụng và được sự cho phép giám sát của chuyên gia bệnh học thủy sản			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
Đã kiểm tra hồ sơ " danh mục thuốc, hóa chất sử dụng" đã thiết lập, bổ sung và thực hiện ok.			
Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY		KÝ TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013
ĐÓNG		CÓ	



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM		Điểm không phù hợp số: 05	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 6.3.1	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013	ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN/ ĐO THANH MUON.		
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Thực tế kiểm tra: Kế hoạch sức khỏe cá được thực hiện. Tuy nhiên thực tế trang trại có tiêm vaccin phòng bệnh Gan Thận Mù cho cá giống trước khi nuôi thịt nhưng chưa bổ sung hoạt động này vào kế hoạch chăm sóc sức khỏe cá.			
Hạn cuối khắc phục		Ngày 06/08/2014	
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:		Đại diện công ty: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.	
Phân tích nguyên nhân Do kế hoạch quản lý sức khỏe thủy sản được ban hành trước khi quá trình tiêm vaccin được thực hiện tại trang trại. Nên chuyên gia bệnh học thủy sản tại trang trại có thể đã quên cập nhật hoạt động tiêm vaccin vào trong kế hoạch quản lý sức khỏe thủy sản			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sự khắc phục: Xem xét cập nhật lại kế hoạch chăm sóc sức khỏe thủy sản, bổ sung vào hoạt động tiêm vaccin để phòng trị bệnh gan thận mù cho cá. Cập nhật quy trình tiêm vaccin và thực hiện đúng theo kế hoạch đã nêu ra			
* Hành động ngăn ngừa: Kế hoạch chăm sóc sức khỏe thủy sản được theo dõi và cập nhật hàng năm và khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong quá trình nuôi trồng trong trang trại. Tất cả các hoạt động nuôi trồng tại trang trại phải được ghi nhận và cập nhật thường xuyên			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT: Đã kiểm tra hồ sơ " kế hoạch chăm sóc sức khỏe cá" đã bổ sung và thực hiện ok. Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY	KÝ TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013	
ĐÓNG	CÓ		



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM		Điểm không phù hợp số: 06	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.4.4 b	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013		ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN/ ĐO THANH MUON.	
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
<p>Hợp đồng lao động cho tất cả nhân viên. Có 10 công nhân viên chính thức nhận được bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội bởi người sử dụng lao động. Tuy nhiên không có bằng chứng cung cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho 06 nhân viên ký hợp đồng lao động trên 3 tháng.</p>			
Hạn cuối khắc phục		Ngày 06/08/2014	
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:		Đại diện công ty: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.	
Phân tích nguyên nhân			
Do công tác hoạt động của 06 công nhân đang làm việc tại trại có tính chất thời vụ và không thường xuyên. Nên Ban giám đốc chưa ra quyết định mua bảo hiểm cho 06 công nhân này mặc dù họ đã làm việc trên 03 tháng			
Diễn giải hành động khắc phục			
<p>Sự khắc phục: Bộ phận kế toán của Công ty lập danh sách 06 nhân viên chưa có bảo hiểm và trình Ban giám đốc phê duyệt, tiến hành đăng ký mua bảo hiểm (bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn) cho 06 nhân viên hiện đang làm việc lâu dài tại trang trại.</p> <p>* Hành động ngăn ngừa: Công ty cam kết luôn hiệu và tuân thủ theo luật lao động Việt Nam. Tất cả các công nhân làm việc lâu dài tại trang trại phải được mua bảo hiểm, đảm bảo đầy đủ các quyền lợi tối thiểu của công nhân</p>			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
Đã kiểm tra bằng chứng trang trại đã mua bảo hiểm tại nạn, bảo hiểm XH và y tế cho 06 công nhân còn lại của trại. OK.			
Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY		KÝ TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013
ĐÓNG		CÓ	



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM		Điểm không phù hợp số: 07	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.8.1 a	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013		ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN/ ĐO THANH MUON.	
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Kiểm tra bằng chấm công từ tháng 11/2012 đến tháng Apr/2013. Bảng này ghi rõ các ngày nghỉ phép và nghỉ bù chú nhật theo luật. Tuy nhiên chưa có bằng chứng kiểm soát và giám sát các ngày nghỉ phép của công nhân để chỉ ra rằng công nhân có 12 ngày nghỉ phép trong năm.			
Hạn cuối khắc phục		Ngày 06/08/2014	
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHÁC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:		Đại diện công ty: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.	
Phân tích nguyên nhân			
Do việc theo dõi chế độ nghỉ ngơi và nghỉ phép của công nhân chưa thực hiện tốt, khi công nhân nghỉ cũng không có đơn xin phép với Ban quản lý trại nuôi			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sự khắc phục: Lập sổ theo dõi kiểm soát nghỉ phép hàng tháng đối với tất cả công nhân trại nuôi, đảm bảo công nhân có 12 ngày nghỉ phép trong năm. Mỗi lần công nhân muốn nghỉ phép phải thông báo và gửi đơn xin phép trước với Trưởng trại và được sự phê duyệt của Trưởng trại trước khi nghỉ phép			
* Hành động ngăn ngừa: Công ty phải lập giấy xin nghỉ phép và sổ theo dõi nghỉ phép tại trang trại, đảm bảo công nhân được nghỉ 12 ngày phép trong năm. Nếu công nhân không nghỉ 12 ngày phép thì phải có chế độ khen thưởng riêng cho công nhân vào dịp cuối năm			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
Đã kiểm tra bằng chứng số theo dõi ngày phép của công nhân, thực hiện OK.			
Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY		KÝ TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013
ĐÓNG		CÓ	



BUREAU
VERITAS

BÁO CÁO ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN A.S.C

Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HANA MEKONG- TÂN HỒNG 2 FARM		Điểm không phù hợp số: 08	
Hồ sơ số:	ĐIỀU KHOẢN: 7.8.4 a	TRƯỜNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ: NGUYEN HUY	
Ngày: 06 tháng 08 năm 2013		ĐÁNH GIÁ VIÊN TRONG ĐOÀN: HUYNH VAN THUAN/ ĐO THANH MUON.	
Điểm không phù hợp nặng:	Điểm không phù hợp nhẹ: X	Điểm khuyến cáo:	ĐẠI DIỆN CÔNG TY: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.
DIỄN GIẢI ĐIỂM KHÔNG PHÙ HỢP			
Trang trại không có bằng chứng trả gáp 3 lương cho ngày nghỉ quốc gia 30/04 và 01/05.			
Hạn cuối khắc phục		Ngày 06/08/2014	
Nhận xét của chuyên gia:			
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC (Sẽ được hoàn thành bởi công ty)			
Ngày khắc phục thực tế:		Đại diện công ty: Ông ĐẶNG THANH THÔNG - TRƯỞNG TRẠI NUÔI.	
Phân tích nguyên nhân			
Do Công ty chưa quan tâm nhiều đến các chế độ và quyền phúc lợi xã hội cho công nhân. Mặc dù công nhân đã làm các ngày lễ nhưng vẫn không trả lương và chế độ khen thưởng			
Diễn giải hành động khắc phục			
Sự khắc phục: Lập danh sách tất cả những công nhân có làm việc trong ngày lễ 30/04 và 01/05/2013, chi trả tiền bồi dưỡng cho mỗi công nhân (công nhân nhận và ký nhận vào bảng thanh toán)			
* Hành động ngăn ngừa: Công ty đảm bảo luôn tuân thủ theo luật lao động Việt Nam, nếu công nhân có làm ngày chủ nhật thì trả lương 02 ngày công bình thường, làm ngày lễ thì trả lương 03 ngày công bình thường hay một chế độ khen thưởng bồi dưỡng cho công nhân			
KẾT THÚC BÁO CÁO (Sẽ được hoàn thành bởi Bureau Veritas Certification)			
CHẤP NHẬN		CÓ	
NHẬN XÉT:			
Đã kiểm tra bằng chứng công nhân nhận tiền làm việc ngày lễ, kí nhận, phỏng vấn công nhân OK.			
Điểm NC này đã được khắc phục có hiệu lực và được chấp nhận.			
ĐÁNH GIÁ VIÊN: NGUYEN HUY		KÝ TÊN: HUY NGUYEN	Ngày 25 Aug 2013
ĐÓNG		CÓ	

Confidential data for commercially sensitive information

Không có nội dung nào của báo cáo được tách riêng vì lý do yêu cầu bí mật thông tin.

Bao gồm văn bản của tất cả các thông tin tài liệu và phản hồi của Bureau Veritas Certification

Nếu không có ý kiến, xác định " Không nhận được ý kiến"

Thời gian thông báo lấy ý kiến	Ý kiến các bên liên quan	Phản hồi của BVC
Công bố đánh giá (30 ngày trước kỳ đánh giá)	Không nhận được ý kiến	Không có.
Công bố báo cáo nhập (10 ngày)		

Table 2. A checklist of records that the farm must provide to the auditor to show evidence of compliance of full crops from > 20% of enclosures.

No.	Mô tả hồ sơ trang trại	Indicator(s)	Record Coverage	Yes / No / NA
1	Hồ sơ nước cấp/ nước thải	2.4.1a, 2.4.2a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
2	Hồ sơ ghi nhận loại và số lượng thức ăn sử dụng	3.1.1a, 3.1.2a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
3	Công bố của nhà cung ứng về thành phần TP, TN trong thức ăn	3.1.1b, 3.1.2b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
4	Hồ sơ thành phần TP, TN trong mỗi tấn cá và bổ sung hồ sơ kết quả kiểm tra phòng TN	3.1.1d, 3.1.1e, 3.1.2d, 3.1.2e	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
5	Hồ sơ ghi nhận hàng tuần đo DO (để quyết định lượng DO tối thiểu trong nước thải)	3.3.3a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
6	Hồ sơ lượng cá chết và phương pháp xử lý	3.6.1b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
7	Hồ sơ ghi nhận kích thước cá	4.5.1a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
8	Đăng ký kiểm tra, làm nhẹ và sửa chữa lưới	4.5.2b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
9	Hồ sơ hành động được thực hiện khi phát hiện có xống thoát	4.5.4c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
10	Hồ sơ ghi nhận toàn vụ mùa được tính toán (đã thu hoạch hoặc có kế hoạch chính xác)	4.6.2b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
11	Văn bản chứng minh thời gian không hoạt động > 3 tháng	4.6.2c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
12	Hồ sơ (biên lai, cam kết nhà cung ứng) về khối lượng trung bình của giống và số lượng	5.2.1a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
13	Hồ sơ chỉ thấy lượng cá đã được thu hoạch	5.2.1c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
14	Bảng tính eFCR và sản lượng của mỗi vụ mùa	5.2.1d	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
15	Hồ sơ khối lượng và số lượng giống được thả mỗi ao	6.1.1a, 6.5.1a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
16	Hồ sơ tổng khối lượng cá được thu hoạch mỗi ao	6.1.1b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
17	Danh mục thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học và hồ sơ sử dụng	6.2.1a, 6.2.1b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
18	Hồ sơ kê toa hoặc văn bản hướng dẫn sử dụng cho thả cá các thuốc thú y và hóa chất	6.2.2a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
19	Hồ sơ hàng ngày của các sản phẩm sử dụng và nhiệt độ nước cho tất cả các hóa chất yêu cầu thời gian phục hồi	6.2.4a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
20	Danh mục kháng sinh sử dụng	6.2.5a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
21	Biên nhận mua thuốc thú y	6.2.6b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
22	Hồ sơ chi tiết về sử dụng thuốc và hóa chất (bao gồm thời gian phục hồi) của trại giống và trại cá thương phẩm	6.4.1b, 6.4.1d	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
23	Hồ sơ hàng ngày thăm tra bệnh	6.4.3a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
24	Hồ sơ thăm tra cá chết hàng ngày	6.4.4a	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
25	Hồ sơ tổng khối lượng cá thu hoạch mỗi ao	6.5.1b, 6.5.2b, 6.5.3b	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES
26	Bảng tính mật độ cá tại vụ thu hoạch cho mỗi ao	6.5.2c, 6.5.3c	1 full crop (see pre-amble in AM)	YES